

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**

Mã cổ phiếu: **MML**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115

Website: <https://masanmeatlife.com.vn/>

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Thu Nga

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 028 6256 3862

Fax: 028 3827 4115


Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 11/03/2021 tại đường dẫn: https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/tat-ca?lang_ui=vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE** Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN MASAN
MEATLIFE
Date: 2021.03.11
20:16:52 +07'00'

Người được ủy quyền công bố thông tin
GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ

Đỗ Thị Thu Nga



CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 6256 3862
Fax: 028 3827 4115
Website: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: **CỔ ĐỒNG CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**
Đồng kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife xin trân trọng thông báo họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

Thời gian: Từ 07:45 sáng, ngày 01 tháng 4 năm 2021 (ngày thứ Năm)
Địa điểm: Hotel de la Coupole, MGallery Sapa – Grand Ballroom
Địa chỉ: Số 01, đường Hoàng Liên, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai

Nội dung chương trình Đại hội: Chi tiết chương trình và tài liệu họp được đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <https://masanmeatlife.com.vn/quan-he-co-dong/thong-bao-cong-ty/> (tiêu mục “Tài liệu họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021” thuộc mục “Thông Báo Công Ty” trong phần “Quan Hệ Cổ Đông”).

Đăng ký và xác nhận tham dự: Để thuận tiện cho việc sắp xếp và tổ chức, kính mong Quý Cổ đông gửi xác nhận tham dự trước **5 giờ chiều ngày 22 tháng 3 năm 2021** cho cô Nguyễn Thị Thanh Vân, theo số điện thoại +84-28-6256 3862, mobile: +84-908307619, email: hr-mml@mml.masangroup.com; hoặc gửi thư xác nhận về Công ty tại địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Khi đăng ký tham dự, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng mang theo Thư mời họp (được gửi đến địa chỉ đăng ký của Quý Cổ đông) cùng với giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với trường hợp tham dự trực tiếp), hoặc cùng với bản gốc Giấy ủy quyền được điền thông tin đầy đủ theo mẫu được công bố trên website của Công ty, Thư mời họp và giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền (đối với trường hợp ủy quyền).

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE
DẠNH NY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**

**DANH SÁCH CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRÌNH ĐẠI
HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA**

1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị năm 2020.
2. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020.
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán.
4. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Công ty.
5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 của Công ty.
6. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021.
7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
8. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.
9. Thông qua Điều lệ mới của Công ty.
10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
12. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2021 – 2026.
13. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021.
14. Thông qua phương án phát hành cổ phần mới theo chương trình ESOP.
15. Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.
16. Thông qua các giao dịch đầu tư của Công ty.
17. Thông qua phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn của Công ty.
18. Bầu thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2021 – 2026.

**MASAN MEATLIFE CORPORATION**

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

**DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
(Ngày 01/04/2021)**

Stt	Thời gian dự kiến	Chương trình
1.	7.45 – 8.30	Đăng ký cổ đông và đón khách
2.	8.30 – 8.35	Bắt đầu cuộc họp Báo cáo kết quả đăng ký cổ đông và giới thiệu Chủ tọa cuộc họp
3.	8.35 – 8.40	Bầu Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, thông qua chương trình họp, và nguyên tắc làm việc của cuộc họp
4.	8.40 – 8.55	Bài phát biểu của Chủ tọa khai mạc cuộc họp
5.	8.55 – 9.55	Báo cáo của Ban Điều hành
6.	9.55 – 10.00	Báo cáo của Hội đồng Quản trị (nội dung chi tiết trong Báo cáo được công bố trên Website Công ty)
7.	10.00 – 10.05	Báo cáo của Ban Kiểm soát (nội dung chi tiết trong Báo cáo được công bố trên Website Công ty)
8.	10.05 – 10.25	Biểu quyết đối với Phiếu biểu quyết số 1: a. Đề xuất của Hội đồng Quản trị về các nghị quyết được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua b. Hướng dẫn biểu quyết c. Thực hiện biểu quyết
9.	10.25 – 10.40	Nghỉ giải lao
10.	10.40 – 10.45	Công bố kết quả kiểm phiếu của Phiếu biểu quyết số 1
11.	10.45 – 11.05	Bầu thành viên Hội đồng Quản trị (Phiếu biểu quyết số 2): a. Thông báo kết quả ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị để Đại Hội đồng Cổ đông bầu b. Hướng dẫn bầu cử c. Thực hiện bầu cử
12.	11.05 – 11.45	Phát biểu ý kiến và thảo luận
13.	11.45 – 11.50	Công bố kết quả bầu thành viên Hội đồng Quản trị
14.	11.50 – 11.55	Thông qua biên bản cuộc họp
15.	Bế mạc cuộc họp	



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC

TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Cuộc họp**”) được tiến hành khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật, và làm việc theo chương trình, nội dung đã được thông qua.
2. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp thực hiện đăng ký tham dự Cuộc họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức vào ngày diễn ra Cuộc họp thông qua mã QR được Ban Tổ chức cấp theo thư mời họp hoặc khi đăng ký dự họp. Việc đăng ký dự họp thành công được ghi nhận trên hệ thống quét mã QR được coi là cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đã xác nhận việc tham dự Cuộc họp.
3. Cổ đông, hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp, được tham gia Cuộc họp và thực hiện các quyền của cổ đông tại Cuộc họp sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự như tại Mục 2.
4. Việc biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty được thực hiện như sau:
 - (i) Đối với các vấn đề thông thường như bầu Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, thông qua chương trình họp, nguyên tắc làm việc của Cuộc họp, Biên bản họp của Cuộc họp: biểu quyết theo chế độ phổ thông đầu phiếu;
 - (ii) Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại Hội đồng Cổ đông thông qua: Biểu quyết theo số cổ phần sở hữu. Việc biểu quyết này được thực hiện và ghi nhận bằng phương thức biểu quyết điện tử có đường dẫn <https://dhdcd.masangroup.com> (“**Website**”) trực tiếp tại Cuộc họp.
5. Cổ đông dự họp, hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp, kiểm tra thông tin của mình và của cổ đông ủy quyền sau khi đăng ký dự họp thành công. Nếu phát hiện sai sót phải thông báo ngay cho Ban Tổ chức để được xử lý.
6. Chủ tọa có quyền điều hành Cuộc họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật, và cổ đông dự họp và người được cổ đông ủy quyền dự họp có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty, pháp luật và quyết định của Chủ tọa.
7. Cổ đông dự họp, hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp, bỏ ra về khi chưa kết thúc Cuộc họp thì coi như cổ đông đó tự ý từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông đó tại Cuộc họp từ thời điểm bỏ ra về.
8. Cổ đông dự họp, hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp, vui lòng viết và gửi ý kiến thảo luận thông qua mục ĐẶT CÂU HỎI trên Website. Ban Thư ký sẽ tập hợp lại và gửi cho Chủ tọa.



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street,
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Phone : (+84 28) 6256 3862

Facsimile : (+84 28) 3827 4115

Web : <https://www.masanmeatlife.com.vn/>

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm.

Ban kiểm phiếu xin công bố thẻ lệ biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 01/04/2021 (“**ĐHĐCĐ**”) như sau:

1. Cách thức biểu quyết:

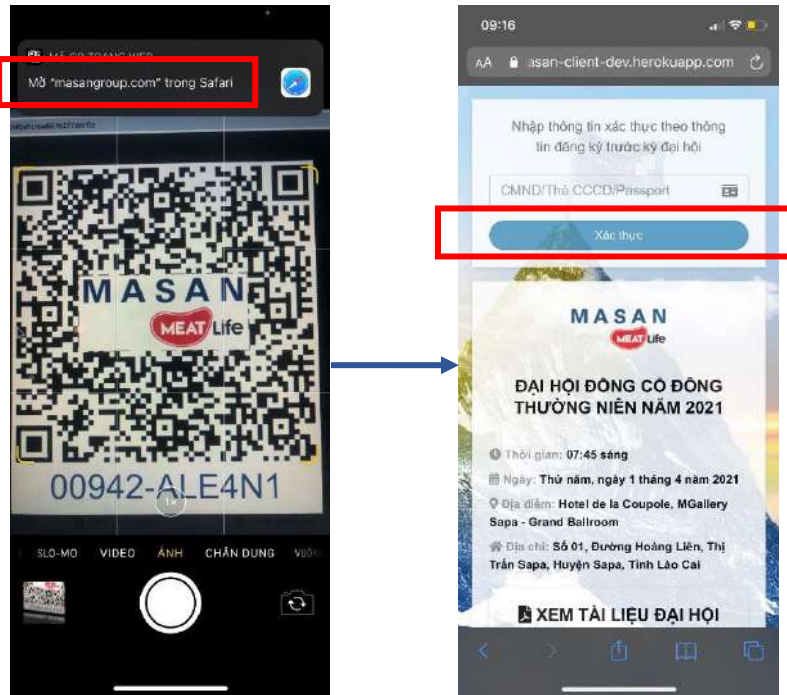
1.1. Đối với các vấn đề liên quan đến thủ tục tiến hành **ĐHĐCĐ**: biểu quyết theo phổ thông đầu phiếu.

Đối với các vấn đề liên quan đến thủ tục tiến hành **ĐHĐCĐ** như bầu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, thông qua chương trình Đại hội, nguyên tắc làm việc, biên bản họp của Đại hội, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp biểu quyết bằng hình thức giơ tay khi Chủ tọa cuộc họp lần lượt đề nghị biểu quyết: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến. Mỗi vấn đề sẽ được thông qua nếu được đa số (trên 50%) cổ đông và người được ủy quyền dự họp tán thành.

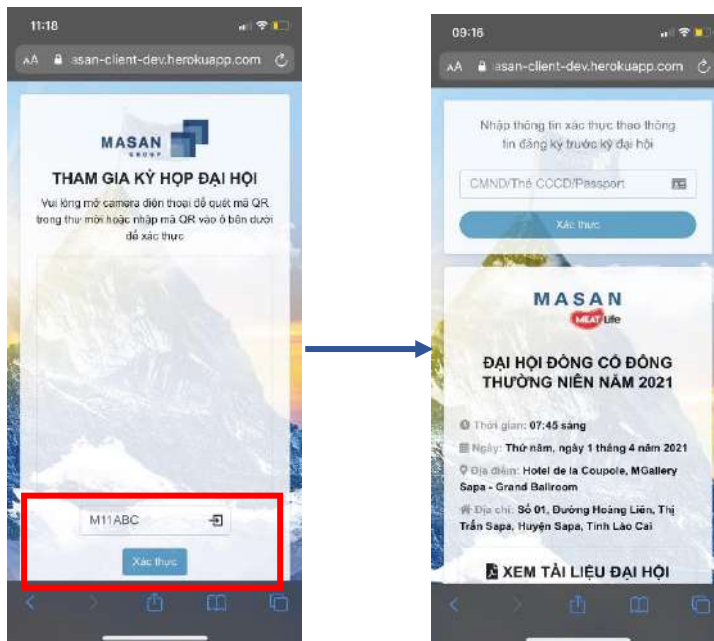
1.2. Đối với các vấn đề trình **ĐHĐCĐ** thông qua tại Phiếu biểu quyết số 1: biểu quyết theo số cổ phần đại diện.

Đối với các vấn đề tại Phiếu biểu quyết số 1, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ thực hiện biểu quyết trực tiếp tại địa điểm tổ chức cuộc họp **ĐHĐCĐ** bằng phương thức bầu chọn điện tử tại website có đường dẫn <https://dhdcd.masangroup.com/> (“**Website**”) sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự như sau:

1.2.1. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp mở chức năng máy ảnh (camera) của điện thoại để quét mã QR được in sẵn trong thư mời họp hoặc được cung cấp lúc đăng ký dự họp và sau đó nhấp vào đường link hiện ra ở góc trên cùng màn hình. Website sẽ xuất hiện thông báo nhập thông tin xác thực. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nhập số CMND/CCCD/Passport của mình và chọn “Xác thực”.

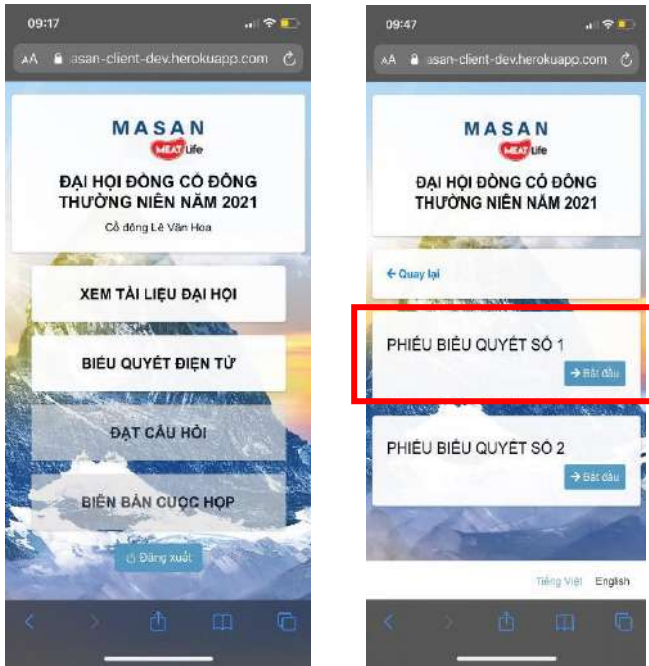


1.2.2. Trường hợp không thể dùng chức năng máy ảnh quét mã QR được in sẵn trong thư mời họp hoặc được cung cấp lúc đăng ký dự họp, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nhập trực tiếp đường link <https://dhdcd.masangroup.com/> vào trình duyệt web trên điện thoại tại địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ. Website sẽ hiện thông báo Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nhập mã số QR (dãy số phía dưới mã QR) vào ô “Nhập mã QR” và nhấn chọn nút “Xác thực”. Website sẽ xuất hiện thông báo nhập thông tin xác thực. Tại màn hình xác thực, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nhập CMND/Thẻ CCCD/Passport của mình và chọn “Xác thực”.



1.2.3. Sau khi xác thực thành công, Website sẽ chuyển tới màn hình trang chủ. Tại đây, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp chọn “BIỂU QUYẾT ĐIỆN TỬ” và màn hình Website sẽ hiển thị “PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 1” và “PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 2”. Tại đây, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp chọn “Bắt đầu” tại “PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 1” để thực hiện biểu quyết.

Tại màn hình biểu quyết, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ xem lại được số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của mình và thực hiện biểu quyết.



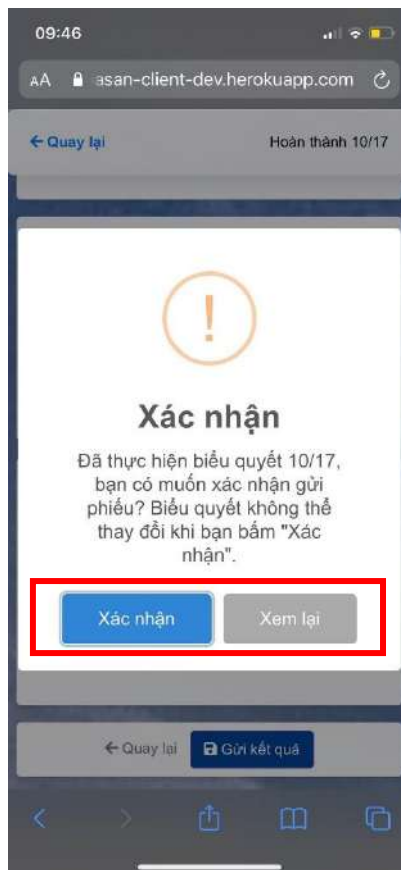
1.2.4. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp chọn **một (01)** trong ba (03) ô cần biểu quyết: “Tán thành”; “Không tán thành”; “Không có ý kiến” cho tất cả các vấn đề cần biểu quyết.



1.2.5. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sau khi thực hiện biểu quyết xong thì chọn “Gửi kết quả”.



Màn hình sẽ hiển thị thông báo bạn đã thực hiện biểu quyết bao nhiêu vấn đề trên tổng số vấn đề cần biểu quyết để nhắc bạn có thể lựa chọn biểu quyết lại.



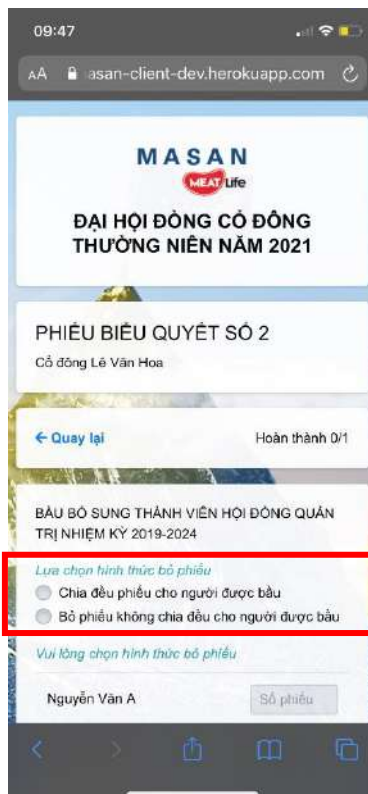
Nếu muốn thay đổi biểu quyết hoặc biểu quyết cho đầy đủ tất cả các vấn đề hoặc xem lại nội dung đã biểu quyết, chọn “Xem lại” và thực hiện lại các bước 1.2.4. Nếu đã chắc chắn với các lựa chọn của mình, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp chọn “Xác nhận”. Sau khi chọn “Xác nhận”, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không thể thay đổi các lựa chọn biểu quyết của mình. Việc chọn “Xác nhận” tương đương với chữ ký của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp trên Phiếu biểu quyết số 1 và Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đã nộp Phiếu biểu quyết số 1.

1.2.6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không nộp Phiếu biểu quyết hoặc không thực hiện đầy đủ hoặc đúng hướng dẫn tại mục 1 này để hoàn tất việc nộp Phiếu biểu quyết như được xác định trên đây thì được xem là Không có ý kiến.

1.3. Đối với việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị tại Phiếu biểu quyết số 2: theo phương thức bầu dồn phiếu.

1.3.1. Để biểu quyết cho Phiếu biểu quyết số 2, bạn quay lại trang chủ, chọn “BIỂU QUYẾT ĐIỆN TỬ”. Tại “PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 2” chọn “Bắt đầu” để tiến hành bầu thành viên HĐQT.

Mỗi Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có Tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng Quản trị cần được bầu. Số phiếu bầu sẽ được thể hiện trên Phiếu biểu quyết số 2. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có thể chọn 1 trong 2 cách bầu bên dưới là: “Chia đều phiếu cho người được bầu” hoặc “Bỏ phiếu không chia đều cho người được bầu”



1.3.2. Cách 1 (Chia đều phiếu cho người được bầu): Cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp bạn chọn tên các ứng cử viên mà bạn muốn chia đều phiếu cho các ứng cử viên đó. Số phiếu sẽ được chia đều cho các ứng cử viên được chọn. Nếu còn phiếu lẻ, bạn chọn ứng cử viên bạn muốn dồn phiếu lẻ và sau cùng chọn “Gửi kết quả”.

09:48
masan-client-dev.herokuapp.com

← Quay lại Hoàn thành 1/1

BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2019-2024

Lựa chọn hình thức bỏ phiếu

Chia đều phiếu cho người được bầu
 Bỏ phiếu không chia đều cho người được bầu

Tổng số phiếu bầu: $2.000 \times 5 = 10.000$

<input checked="" type="checkbox"/> Nguyễn Văn A	3334
<input checked="" type="checkbox"/> Nguyễn Văn B	3333
<input checked="" type="checkbox"/> Nguyễn Văn C	3333
<input type="checkbox"/> Nguyễn Văn D	Số phiếu
<input type="checkbox"/> Nguyễn Văn E	Số phiếu

Số phiếu bầu lẻ (1) được dồn cho ứng cử viên

Nguyễn Văn A
 Nguyễn Văn B
 Nguyễn Văn C

← Quay lại Gửi kết quả

1.3.3. Cách 2 (Bỏ phiếu không chia đều cho người được bầu): Cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp sẽ nhập số phiếu muốn bầu cho từng ứng cử viên. Lưu ý, tổng số phiếu nhập sẽ không thể lớn hơn Tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu biểu quyết số 2.

09:49
masan-client-dev.herokuapp.com

← Quay lại Hoàn thành 1/1

TRỊ NHIỆM KỲ 2019-2024

Lựa chọn hình thức bỏ phiếu

Chia đều phiếu cho người được bầu
 Bỏ phiếu không chia đều cho người được bầu

Tổng số phiếu bầu: $2.000 \times 5 = 10.000$

Số phiếu còn lại: 0

Nguyễn Văn A	1000
Nguyễn Văn B	9000
Nguyễn Văn C	0
Nguyễn Văn D	0
Nguyễn Văn E	0

← Quay lại Gửi kết quả

Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sau khi thực hiện bầu cử xong thì chọn “Gửi kết quả”. Tiếp theo đó, sẽ hiển thị màn hình thông báo xác nhận Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đã bầu cử.



Trường hợp Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp muốn thay đổi bầu cử hoặc xem lại nội dung đã bầu cử thì chọn “Xem lại” và thực hiện lại từ bước 1.3.1. Trường hợp Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đã chắc chắn với cách lựa chọn của mình, thì chọn “Xác nhận”. Sau khi chọn “Xác nhận”, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không thể thay đổi được các lựa chọn bầu cử của mình. Việc chọn “Xác nhận” tương đương với chữ ký của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp trên Phiếu biểu quyết số 2 và Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đã nộp Phiếu biểu quyết số 2.

1.3.4. Trường hợp số phiếu bầu để trống thì xem như Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không bầu cho ứng cử viên nào.

2. Nguyên tắc, trình tự thủ tục biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu

2.1. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp sẽ thực hiện biểu quyết đối với Phiếu biểu quyết số 1 trước. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể thực hiện biểu quyết Phiếu biểu quyết số 1 sau khi ĐHĐCĐ thông qua chương trình Đại hội. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp sẽ thực hiện biểu quyết đối với Phiếu biểu quyết số 2 sau khi Ban kiểm phiếu thông báo kết quả biểu quyết của Phiếu biểu quyết số 1. Việc biểu quyết kết thúc khi tất cả các Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đã hoàn tất việc biểu quyết, hoặc khi kết

thúc thời hạn biểu quyết theo lịch trình biểu quyết do Ban kiểm phiếu thông báo, tùy điều kiện nào đến trước.

2.2. Thủ tục kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu. Nguyên tắc làm tròn trên Biên bản kiểm phiếu đối với Phiếu biểu quyết số 1: làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau phần đơn vị.

2.3. Các kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc Cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật.

3. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ tại Cuộc họp

Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức biểu quyết tại Cuộc họp khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty:

3.1. Đối với các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Phiếu biểu quyết số 1:

3.1.1. Các quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; các giao dịch với bên có liên quan; các giao dịch đầu tư, mua, bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, và các tài sản khác: có ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp chấp thuận.

3.1.2. Các vấn đề khác: có ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp chấp thuận.

3.1.3. Đối với các vấn đề phát sinh mới tại Cuộc họp được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

3.2. Đối với việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị tại Phiếu biểu quyết số 2:

3.2.1. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua trước đó.

3.2.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị, ĐHĐCĐ sẽ bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau này.

4. Khiếu nại về việc biểu quyết và kiểm phiếu

Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc biểu quyết và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu giải quyết tại Cuộc họp trong trường hợp khiếu nại, thắc mắc được nêu trước khi Biên bản họp được công bố.



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi Quý Cổ đông,

Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) xin báo cáo tổng quan về kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Masan MEATLife**” hoặc “**Công ty**”), về quản trị và hoạt động của HDQT trong năm 2020 như sau:

Cả thế giới vừa trải qua một năm 2020 vô cùng khó khăn – đại dịch COVID-19 đã làm hầu hết các nền kinh tế điều đứng, chuỗi cung ứng đứt gãy, sức mua sụt giảm nghiêm trọng. Trong khi đó, ngành chăn nuôi heo trong nước vẫn chưa thoát khỏi dịch tả lợn châu Phi (ASF), và giá heo hơi vẫn đứng ở mức cao – thị trường thức ăn chăn nuôi cả nước tiếp tục suy giảm ở mức -18,2%; thị trường thịt cả nước giảm -17,5%!

Giữa muôn vàn khó khăn thử thách, Masan MEATLife đã gặt hái được những kết quả đáng tự hào:

- Lần đầu tiên, sau nhiều năm sụt giảm liên tiếp, tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi của Công ty năm 2020 đã tăng trưởng trở lại ở mức +5% so với năm trước đó – với thương hiệu Bio-zeem tiếp tục là ngọn cờ đầu trong việc cải thiện hiệu suất chăn nuôi.
- Ngành thịt non trẻ của Công ty tiếp tục tạo được thế đứng trên thị trường với doanh thu tăng trưởng +325% so với 2019.
- Thương hiệu MEATDeli đã có mặt tại 1.606 điểm bán ở cả hai miền Nam Bắc: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, và các vùng phụ cận, trên hệ thống VinMart, VinMart+, chuỗi siêu thị Coopmart, BigC, Lotte, Aeon, và các chuỗi bán lẻ hiện đại khác; hệ thống cửa hàng chuyên doanh MEATDeli của Công ty, và các đại lý MEATDeli của đối tác.

Năm 2020 đánh dấu thêm cột mốc quan trọng nữa trong hành trình phát triển của Masan MEATLife – Công ty đã đưa vào vận hành tổ hợp chế biến thịt thứ hai mang tên MEATDeli Sài Gòn, và chính thức mở rộng hoạt động sang thị trường thịt gà thông qua việc góp vốn 51% vào Công ty Cổ phần 3F Việt vào tháng 11 năm 2020:

- Được khởi công xây dựng từ tháng 5/2019, với tổng mức đầu tư trên 1.800 tỷ đồng, tổ hợp chế biến MEATDeli Sài Gòn có công suất thiết kế là 1,4 triệu con/năm, tương đương 155.000 tấn/năm thịt mát và các sản phẩm chế biến từ thịt.
- Trong khi đó, 3F Việt là một trong những công ty đầu tiên của người Việt triển khai mô hình FEED – FARM – FOOD để hiện thực hóa ý tưởng “từ trang trại đến bàn ăn”, đây sẽ là điểm khởi đầu để Masan MEATLife mở rộng danh mục các sản phẩm thịt gia cầm.

Những nỗ lực của Công ty đã được người tiêu dùng đón nhận tích cực – hai năm liền 2019 và 2020, ngay sau khi có mặt trên thị trường, thịt MEATDeli – Công nghệ thịt mát Châu Âu của Masan MEATLife đã xuất sắc nằm trong Top 10 thương hiệu – sản phẩm được tin dùng nhất Việt Nam theo kết quả bình chọn của Thời Báo Kinh Tế Việt Nam, đồng thời Masan Meatlife cũng vinh dự đạt giải TOP 50 công ty giá trị do Forbes bình chọn năm 2020.

Tóm lại, gian lao thử thách của một năm 2020 vô cùng đặc biệt đã giúp Công ty trưởng thành, mạnh mẽ, và có giá trị hơn. Công ty tiếp tục phát triển nền tảng chiến lược để trở thành công ty tiêu dùng có thương hiệu – với sự liên kết độc đáo giữa nhà sản xuất và các nhà bán lẻ hiện đại có quy mô rộng khắp như VinMart, VinMart+ cùng các hệ thống siêu thị khác như Coopmart, Big C, Lotte..., Công ty ngày càng tiến gần hơn đến đích phục vụ gần 100 triệu người tiêu dùng trên toàn quốc các sản phẩm thịt an toàn, tươi ngon, dinh dưỡng, giá cả hợp lý. Nền tảng vững vàng của 2020 giúp Công ty tiến vào năm 2021 và những năm tiếp theo với một niềm tin chắc chắn vào sự tăng trưởng vượt bậc xoay quanh mục tiêu cốt lõi ấy của mình.

Về hoạt động của HĐQT, nội dung các hoạt động quản trị và điều hành Công ty trong năm 2020, và các nghị quyết được HĐQT phê duyệt được thể hiện tại Phụ lục đính kèm báo cáo hoạt động này.

Năm 2021, Masan MEATLife đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu ngành thịt (bao gồm thịt gà) là 100% so với năm 2020, đóng góp 22% trong tổng doanh thu thuần hợp nhất và phát triển thành công danh mục sản phẩm thịt chế biến. Thức ăn chăn nuôi dự kiến sẽ tăng trưởng 15% và có tiềm năng tăng mạnh nếu việc tái đàn được đẩy nhanh để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Trân trọng,

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

PHỤ LỤC

Trong năm 2020, Công ty không thực hiện việc chi trả thù lao, chi phí hoạt động và bất kỳ lợi ích khác cho HĐQT và thành viên HĐQT.

Các thành viên HĐQT trong năm 2020 đã thảo luận và thông qua các nghị quyết quan trọng như sau:

- Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).
- Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam và Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An vay Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông qua việc Công ty góp thêm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (Anco) khoản tiền tối đa 500 tỷ đồng.
- Thông qua việc Công ty xin gia hạn thời gian họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.
- Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam và Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông qua việc Công ty thành lập văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang, Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An, Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông qua chương trình hợp dự kiến của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.
- Thông qua việc Công ty cho Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn (nay là Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn) vay 300 tỷ đồng.
- Thông qua việc Công ty đồng ý tham gia và phê chuẩn toàn bộ nội dung Chính sách quản lý nguồn tiền tập trung.
- Thông qua việc phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Thông qua việc Công ty đặt mua số cổ phần phổ thông phát hành mới tương đương tối đa 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 3F Việt.
- Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam, Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang và Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông qua việc sửa đổi Điều 5.1 Điều lệ Công ty.
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.243.274.470.000 đồng lên 3.267.148.470.000 đồng (tăng thêm 23.874.000.000 đồng).
- Phê duyệt về nguyên tắc kế hoạch tái cấu trúc nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan.

- Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Trung làm Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách kinh doanh ngành thịt của Công ty.
- Thông qua việc thực hiện các giao dịch tái cấu trúc nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan.
- Thông qua việc tăng phần vốn góp của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty TNHH MNS Feed.

Về kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành: Trong năm 2020, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã tiếp tục hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, HĐQT trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2020 như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 66/2020/NQ-HĐQT	10/03/2020	Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank).
2	Nghị quyết số 67/2020/NQ-HĐQT	10/03/2020	Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam và Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An vay Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
3	Nghị quyết số 82/2020/NQ-HĐQT	19/03/2020	Thông qua việc Công ty góp thêm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (Anco) khoản tiền tối đa 500 tỷ đồng.
4	Nghị quyết số 93/2020/NQ-HĐQT	27/03/2020	Thông qua việc Công ty xin gia hạn thời gian họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.
5	Nghị quyết số 102/2020/NQ-HĐQT	09/04/2020	Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam và Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
6	Nghị quyết số 151/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	Thông qua việc Công ty thành lập văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.
7	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐQT	15/06/2020	Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang, Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An, Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh.
8	Nghị quyết số 186/2020/NQ-HĐQT	18/06/2020	Thông qua chương trình họp dự kiến của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
9	Nghị quyết số 216/2020/NQ-HĐQT	07/07/2020	Thông qua việc Công ty cho Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn (nay là Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn) vay 300 tỷ đồng.
10	Nghị quyết số 229/2020/NQ-HĐQT	15/07/2020	Thông qua việc Công ty đồng ý tham gia và phê chuẩn toàn bộ nội dung Chính sách quản lý nguồn tiền tập trung.
11	Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐQT	19/08/2020	Thông qua việc phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
12	Nghị quyết số 436/2020/NQ-HĐQT	02/10/2020	Thông qua việc Công ty đặt mua số cổ phần phổ thông phát hành mới tương đương tối đa 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 3F Việt.
13	Nghị quyết số 440/2020/NQ-HĐQT	08/10/2020	Thông qua việc Công ty bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế – Chi nhánh Hà Nam, Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang và Công ty TNHH MTV Con Cò Bình Định vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh.
14	Nghị quyết số 447/2020/NQ-HĐQT	13/10/2020	Thông qua việc sửa đổi Điều 5.1 Điều lệ Công ty.
15	Nghị quyết số 449/2020/NQ-HĐQT	13/10/2020	Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.243.274.470.000 đồng lên 3.267.148.470.000 đồng (tăng thêm 23.874.000.000 đồng).
16	Nghị quyết số 526/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	Phê duyệt về nguyên tắc kế hoạch tái cấu trúc nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan.
17	Nghị quyết số 528/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Trung làm Phó Tổng Giám đốc – Phụ trách kinh doanh ngành thịt của Công ty.
18	Nghị quyết số 576/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Thông qua việc thực hiện các giao dịch tái cấu trúc nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan.
19	Nghị quyết số 577/2020/NQ-HĐQT	29/12/2020	Thông qua việc tăng phần vốn góp của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty TNHH MNS Feed.



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi Quý Cổ đông,

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”);
- Căn cứ Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020.

Ban Kiểm soát xin báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020 với các nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) và Ban Điều hành; kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2020 theo các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và HĐQT trong năm 2020.
2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể thẩm định Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty.

Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát nhằm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2020.

Thông qua các công việc cụ thể của các thành viên, Ban Kiểm soát nhận thấy hoạt động của Ban Kiểm soát luôn được HĐQT, Ban Điều hành hỗ trợ và cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt chức năng kiểm tra và giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Điều hành. Các thành viên của Ban Kiểm soát đã phân công các công việc cụ thể để hoạt động của Ban Kiểm soát đạt hiệu quả cao nhất. Các thành viên của Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các công việc được giao trong năm qua. Cũng như hoạt động của HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban Kiểm soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính trong Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty liên quan.

Bảng 1: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

	Hợp nhất		Riêng lẻ	
	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	6.211.564.450.510	4.326.407.159.062	2.891.262.464.053	2.340.885.319.208
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638	1.176.073.253.973	683.578.280.096
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.950.000.000	156.400.000.000	22.000.000.000	155.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.990.001.817.972	1.063.739.035.323	1.589.031.346.092	1.377.960.908.191
Hàng tồn kho	2.234.732.675.442	1.529.201.648.403	102.140.377.965	121.398.871.431
Tài sản ngắn hạn khác	216.084.745.447	91.467.072.698	2.017.486.023	2.947.259.490
Tài sản dài hạn	11.745.889.703.075	10.384.987.528.036	9.904.132.572.551	6.875.819.608.026
Các khoản phải thu dài hạn	32.405.791.605	16.506.597.000	2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	8.384.846.294.660	7.354.513.390.155	461.254.552	647.071.056
Tài sản dở dang dài hạn	181.974.737.981	353.241.217.535	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	2.171.509.761.899	2.173.141.241.640	9.899.664.500.000	6.870.004.511.729
Tài sản dài hạn khác	975.153.116.930	487.585.081.706	4.004.061.999	5.165.269.241
TỔNG TÀI SẢN	17.957.454.153.585	14.711.394.687.098	12.795.395.036.604	9.216.704.927.234
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	9.494.240.002.625	7.188.198.744.263	9.772.665.322.450	6.101.856.252.863
Nợ ngắn hạn	7.369.795.640.876	3.491.877.094.955	6.029.655.921.740	2.560.473.071.875
Nợ dài hạn	2.124.444.361.749	3.696.321.649.308	3.743.009.400.710	3.541.383.180.988
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.463.214.150.960	7.523.195.942.835	3.022.729.714.154	3.114.848.674.371
Vốn cổ phần	3.267.148.470.000	3.243.274.470.000	3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.119.055.015.149	2.119.105.015.149	2.119.055.015.149	2.119.105.015.149
Vốn khác của chủ sở hữu	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	403.360.978.012	140.019.641.401	(2.363.473.770.995)	(2.247.530.810.778)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.849.192.687.799	2.196.339.816.285	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	17.957.454.153.585	14.711.394.687.098	12.795.395.036.604	9.216.704.927.234

2. Về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con

Năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, Công ty và các công ty con đã có những hoạt động nổi bật sau:

- Tháng 1/2020, Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An được tái cấp Giấy Chứng nhận GLOBAL G.A.P. CFM;
- Tháng 2/2020, Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An được tái cấp Giấy Chứng nhận GLOBAL G.A.P. và Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định được tái cấp Giấy Chứng nhận GLOBAL G.A.P. CFM;
- Tháng 9/2020, Masan MEATLife được vinh danh trong Top Doanh nghiệp Thức ăn Chăn nuôi lớn nhất Thế giới 2019 do Tạp chí Feed Strategy công bố;
- Tháng 10/2020, Masan MEATLife khánh thành Tổ hợp chế biến thịt MEATDeli Sài Gòn trị giá 1.800 tỷ đồng tại Long An;
- Tháng 10/2020, Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An được tái cấp Giấy Chứng nhận HACCP;
- Tháng 11/2020, Masan MEATLife hoàn tất giao dịch sở hữu 51% Công ty Cổ phần 3F Việt, chính thức mở rộng hoạt động sang thị trường thịt gia cầm;
- Tháng 11/2020, Proconco và Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An được tái cấp Giấy Chứng nhận GLOBAL G.A.P. CFM;
- Tháng 12/2020, Masan MEATLife được vinh danh trong Top 50 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2020 do Forbes Việt Nam công bố, MEATDeli tiếp tục được vinh danh trong Top 10 Thương hiệu được tin dùng nhất Việt Nam 2 năm liên tiếp 2019 và 2020 do người tiêu dùng bình chọn và Proconco được vinh danh là Top 3 Công ty Thức ăn Chăn nuôi uy tín nhất Việt Nam 2020 do Vietnam Report công bố;
- Tháng 12/2020, Proconco, Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định, Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên, Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang và Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang được tái cấp Giấy Chứng nhận HACCP;
- Tháng 1/2021, Masan MEATLife được vinh danh trong Top 50 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam 2020 – VNR500 do Vietnam Report phối hợp cùng Báo Điện tử VietNamNet công bố;
- Tháng 1/2021, Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An được tái cấp Giấy Chứng nhận GLOBAL G.A.P.

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Bảng 2: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

	Hợp nhất		Riêng lẻ	
	2020	2019	2020	2019
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.038.062.202.090	14.574.901.245.099	10.620.165.390.237	9.778.042.006.810
Các khoản giảm trừ doanh thu	919.056.719.159	776.149.958.427	677.346.312.542	559.731.228.140
Doanh thu thuần về bán hàng	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672	9.942.819.077.695	9.218.310.778.670
Giá vốn hàng bán	13.394.378.798.551	11.533.148.211.650	9.310.555.410.727	8.619.123.155.578
Lợi nhuận gộp	2.724.626.684.380	2.265.603.075.022	632.263.666.968	599.187.623.092
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)	684.346.103.386	509.686.501.674	(116.093.734.177)	108.771.302.362
Kết quả từ hoạt động khác	(4.003.196.771)	58.243.168.140	150.773.960	(425.528.621)
Lợi nhuận kế toán trước thuế/(lỗ)	680.342.906.615	567.929.669.814	(115.942.960.217)	108.345.773.741
Chi phí thuế TNDN hiện hành	215.665.596.683	235.735.572.677	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(27.524.972.132)	(37.520.851.914)	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN/(lỗ)	492.202.282.064	369.714.949.051	(115.942.960.217)	108.345.773.741
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	263.341.336.611	115.347.906.992		
Cổ đông không kiểm soát	228.860.945.453	254.367.042.059		
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	810	356		

3. Về công tác quản trị và điều hành

a. HĐQT

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản trị, điều hành của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông trong năm 2020. HĐQT bảo đảm Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cũng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời cho cổ đông tình hình tài chính, kết quả kinh doanh theo quy định pháp luật.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được chỉ tiêu lợi nhuận trong năm 2020.

HĐQT đã luôn bảo đảm Ban Kiểm soát có được các thông tin một cách đầy đủ, chuẩn xác và nhanh chóng để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của HĐQT trong hoạt động quản trị, điều hành, thực hiện các quy chế quản lý nội bộ nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông.

b. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Ban Kiểm soát nhận thấy Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT và Đại Hội đồng Cổ đông. Các thành viên trong Ban Điều hành phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành, thực hiện các dự án và hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Kết luận

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

(Đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ MỸ DUYÊN

PHỤ LỤC
CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

STT	CUỘC HỌP	NỘI DUNG CHÍNH
1	Cuộc họp ngày 19 tháng 08 năm 2020	Đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2020.
2	Cuộc họp ngày 08 tháng 03 năm 2021	Đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty năm 2020.



**Công ty Cổ phần Masan MEATLife
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0311224517 ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

MEATLIFE
KPMG

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00895-21-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.211.564.450.510	4.326.407.159.062
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638
Tiền	111		115.495.211.649	181.699.402.638
Các khoản tương đương tiền	112		1.520.300.000.000	1.303.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		134.950.000.000	156.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	134.950.000.000	156.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.990.001.817.972	1.063.739.035.323
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	627.931.119.627	374.451.806.121
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	85.724.798.419	678.682.279.544
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(b)	1.290.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	77.307.967.823	116.349.265.265
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(92.114.531.528)	(105.744.315.607)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.152.463.631	-
Hàng tồn kho	140	12	2.234.732.675.442	1.529.201.648.403
Hàng tồn kho	141		2.262.342.474.609	1.550.320.775.204
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.609.799.167)	(21.119.126.801)
Tài sản ngắn hạn khác	150		216.084.745.447	91.467.072.698
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	123.438.517.357	33.022.312.069
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		67.456.959.335	44.630.050.178
Thuế phải thu Nhà nước	153		25.189.268.755	13.814.710.451

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		11.745.889.703.075	10.384.987.528.036
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.405.791.605	16.506.597.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	32.405.791.605	16.506.597.000
Tài sản cố định	220		8.384.846.294.660	7.354.513.390.155
Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.007.399.190.225	4.091.424.919.307
Nguyên giá	222		6.632.821.701.303	5.283.195.968.073
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.625.422.511.078)	(1.191.771.048.766)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	22.278.740.158	-
Nguyên giá	225		22.761.303.606	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(482.563.448)	-
Tài sản cố định vô hình	227	15	3.355.168.364.277	3.263.088.470.848
Nguyên giá	228		5.198.505.528.456	4.863.075.848.521
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.843.337.164.179)	(1.599.987.377.673)
Tài sản dở dang dài hạn	240		181.974.737.981	353.241.217.535
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	181.974.737.981	353.241.217.535
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.171.509.761.899	2.173.141.241.640
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(c)	2.146.548.963.099	2.159.937.181.640
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(d)	30.588.758.800	21.646.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	7(d)	(5.627.960.000)	(8.441.940.000)
Tài sản dài hạn khác	260		975.153.116.930	487.585.081.706
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	766.265.266.034	415.519.871.660
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	65.262.127.233	72.065.210.046
Lợi thế thương mại	269	19	143.625.723.663	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.957.454.153.585	14.711.394.687.098

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.494.240.002.625	7.188.198.744.263
Nợ ngắn hạn	310		7.369.795.640.876	3.491.877.094.955
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.211.902.007.419	857.647.315.709
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.214.767.845	20.315.335.561
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21	89.188.157.901	100.050.815.239
Phải trả người lao động	314		6.741.983.560	5.223.968
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	719.523.876.565	684.459.335.316
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		732.616.572	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	43.066.987.270	40.909.847.703
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	24(a)	5.252.694.200.724	1.782.758.178.439
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	25	5.731.043.020	5.731.043.020
Nợ dài hạn	330		2.124.444.361.749	3.696.321.649.308
Phải trả dài hạn khác	337		2.660.000.000	4.960.000.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính dài hạn	338	24(b)	1.587.928.564.410	3.173.252.547.708
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	499.705.073.935	488.104.212.517
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	34.150.723.404	30.004.889.083
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.463.214.150.960	7.523.195.942.835
Vốn chủ sở hữu	410	27	8.463.214.150.960	7.523.195.942.835
Vốn cổ phần	411	28	3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.105.015.149
Vốn khác của chủ sở hữu	414	29	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		403.360.978.012	140.019.641.401
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		140.019.641.401	24.671.734.409
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		263.341.336.611	115.347.906.992
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.849.192.687.799	2.196.339.816.285
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.957.454.153.585	14.711.394.687.098

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	32	17.038.062.202.090	14.574.901.245.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	919.056.719.159	776.149.958.427
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	32	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672
Giá vốn hàng bán	11	33	13.394.378.798.551	11.533.148.211.650
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.724.626.684.380	2.265.603.075.022
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	109.387.462.759	76.612.962.663
Chi phí tài chính	22	35	508.024.853.285	364.166.857.502
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		423.754.793.202	284.977.600.614
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	7(c)	10.014.797.072	9.690.583.861
Chi phí bán hàng	25	36	932.548.757.092	680.705.067.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	719.109.230.448	797.348.195.270
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		684.346.103.386	509.686.501.674
Thu nhập khác	31	38	18.750.848.870	93.616.762.281
Chi phí khác	32	39	22.754.045.641	35.373.594.141
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(4.003.196.771)	58.243.168.140
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		680.342.906.615	567.929.669.814
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	215.665.596.683	235.735.572.677
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(27.524.972.132)	(37.520.851.914)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		492.202.282.064	369.714.949.051

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		492.202.282.064	369.714.949.051
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		263.341.336.611	115.347.906.992
Cổ đông không kiểm soát	62		228.860.945.453	254.367.042.059
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	810	356

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính


 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	680.342.906.615	567.929.669.814
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	694.784.321.964	689.604.467.950
Các khoản dự phòng	03	(8.687.139.844)	23.958.276.321
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.076.739.859	806.922.251
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(107.137.208.092)	(75.524.224.039)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	444.166.557.907	305.389.365.319
Các khoản điều chỉnh khác	07	(5.036.135.615)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.699.510.042.794	1.512.164.477.616
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(108.169.745.792)	(42.695.268.160)
Biến động hàng tồn kho	10	(633.630.466.261)	(154.160.780.880)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	292.218.404.025	(350.187.479.358)
Biến động chi phí trả trước	12	23.658.944.498	31.321.783.266
		1.273.587.179.264	996.442.732.484
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(435.215.348.165)	(296.097.952.566)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(201.952.780.669)	(216.671.182.854)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.130.013.125)	(4.790.250.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	633.289.037.305	478.883.346.080
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.010.842.903.442)	(2.117.083.988.566)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	10.817.466.978	30.158.242.943
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.404.350.000.000)	(156.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	135.800.000.000	-
Tiền chi mua các công ty con, trừ số dư tiền của các công ty con được mua (Thuyết minh 5)	25	(41.967.438.969)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	55.029.934.802	76.690.742.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.255.512.940.631)	(2.166.635.003.124)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



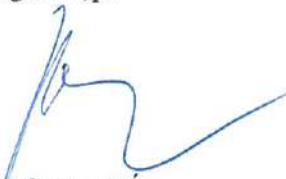
Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	23.884.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	10.036.334.243.368	5.256.456.574.119
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.258.965.332.980)	(3.417.751.623.048)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(894.410.556)	-
Tiền trả cổ tức	36	(27.530.627.600)	(23.597.966.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.772.827.872.232	1.815.106.984.843
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	150.603.968.906	127.355.327.799
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.485.599.402.638	1.358.425.295.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(408.159.895)	(181.221.137)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính


Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 3 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết sở hữu gián tiếp (1/1/2020: 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 4 công ty liên kết sở hữu gián tiếp). Thông tin về các công ty con và các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	1/1/2020	1/1/2020
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH MNS Feed ("MNS Feed")	Tư vấn quản lý đầu tư;	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
2	Công ty TNHH MNS Meat ("MNS Meat")	Tư vấn quản lý đầu tư;	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	100,00%	99,99%	99,99%	100,00%
3	Công ty Cổ phần 3F VIỆT ("3F VIỆT")	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt gia cầm và các sản phẩm chế biến từ thịt;	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	-	51,00%	-

(*) Trong tháng 12 năm 2020, Công ty đã tái cấu trúc cơ cấu của tập đoàn theo loại hình hoạt động kinh doanh thông qua việc mua lại 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MNS Meat từ ANCO và bán 100% lợi ích vốn chủ sở hữu cùng với quyền chọn mua trong ANCO cho MNS Feed. Tất cả các giao dịch này được thực hiện theo giá gốc. Sau khi tái cơ cấu, MNS Meat trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty và ANCO trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty.

(**) Tập đoàn đã hoàn tất việc mua lại 51% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần 3F VIỆT vào ngày 20 tháng 11 năm 2020. Xem Thuyết minh 5 để biết thêm chi tiết.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2020	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020	1/1/2020
Các công ty con sở hữu gián tiếp									
1	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH Một Thành Viên dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Huyện Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (“MNS Feed Vĩnh Long”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Cỏ Chiên, Ấp Sơn Đông, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (“MNS Feed Thái Nguyên”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Trung Thành, Huyện Trung Thành, Thị xã Phô Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MNS Feed Tiên Giang (“MNS Feed Tiên Giang”)	(i) Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập I, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế			Tỷ lệ quyền biểu quyết
				31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	
6	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An ("MNS Feed Nghệ An")	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Nam Cấn, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
7	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang ("MNS Feed Hậu Giang")	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;	Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh – Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	99,99%	99,99%	100,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc ("Proconco")	Sản xuất, chế biến thức ăn giàu đạm, chất tinh khiết cho chăn nuôi;	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
9	Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ ("Proconco Cần Thơ")	Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;	Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Xã Trà Nóc, Huyện Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
10	Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định ("Proconco Bình Định")	Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;	Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Thọ, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%
11	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên ("Proconco Hưng Yên")	Sản xuất, chế biến thức ăn gia cầm và thủy sản;	Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	75,15%	75,15%	75,15%	75,15%



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế			Tỷ lệ quyền biểu quyết
				1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020	
12	Công ty TNHH MNS Meat Processing (“MNS Meat Processing”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư;	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
13	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (“MNS Meat Hà Nam”)	(ii) Chế biến và bảo quản thịt gia súc và các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc;	Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
14	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)	(ii) Chế biến và bảo quản thịt gia súc và các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc;	Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Hựu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
15	Công ty TNHH MNS Farm (“MNS Farm”)	(ii) Tư vấn quản lý đầu tư;	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
16	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An (“MNS Farm Nghệ An”)	(ii) Chăn nuôi gia súc;	Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
17	Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT (“3F VIỆT Food”)	(iii) Chế biến và bảo quản thịt gia súc và các sản phẩm chế biến từ thịt gia súc;	Áp Kiến An, Xã An Lập, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	51,00%	-	51,00%	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích kinh tế		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (“Thuận Phát”)	(i) Sản xuất bao bì PP, PE và kinh doanh nguyên liệu nhựa;	Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
2	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (“Abattoir”)	(i) Thực hiện các hoạt động giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm;	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai (“Donatraco”)	(i) Trồng cây công nghiệp và cây nông nghiệp;	75A Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	10,63%	21,30%	10,63%	21,30%
4	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (“Vissan”)	(i) Chế biến và kinh doanh thịt tươi, thực phẩm chế biến và các sản phẩm chế biến từ thịt;	420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,90%	24,90%	24,90%	24,90%

(i) Các công ty con và các công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Feed.

(ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua MNS Meat.

(iii) Công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua 3F VIỆT.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con và tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 4.323 nhân viên (1/1/2020: 3.501 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thay đổi phần sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh, trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này nằm ngoài phạm vi áp dụng của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị của tài sản thuần được hợp nhất được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

(vi) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(j)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 35 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thương hiệu

Thương hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 9 đến 20 năm. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó.

(iv) Mỗi quan hệ khách hàng

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 16 đến 20 năm.

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(v) Công nghệ

Công nghệ mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Giá trị hợp lý của công nghệ có được từ hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho heo giống, xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nuôi heo giống, xây dựng và lắp đặt.

(j) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Gà và heo giống

Chi phí gà giống và heo giống được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 3 năm. Chi phí phân bổ gà giống và heo giống có liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi heo thịt và gà thịt trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được vốn hóa vào giá gốc của sản phẩm dở dang.

(l) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác

Vốn khác được phát sinh từ các giao dịch liên quan đến các công cụ vốn chủ sở hữu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và cổ tức từ các khoản đầu tư vào các đơn vị khác.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(s) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong Thuyết minh 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ gốc còn lại.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu có chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt là bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo vùng địa lý.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo mệnh giá.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có hai bộ phận kinh doanh, như được mô tả dưới đây, là các bộ phận kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Tổng Giám đốc Công ty hoặc các công ty con soát xét các báo cáo quản trị nội bộ theo định kỳ.

Bản tóm tắt sau đây mô tả hoạt động của từng bộ phận:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
▪ Thức ăn chăn nuôi	Sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản.
▪ Thịt và Trang trại	Chăn nuôi gia súc và gia cầm, chế biến và bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt.

Kết quả kinh doanh của bộ phận bao gồm doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ bao gồm các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí khác và thu nhập khác mà Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí và thu nhập này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Các chi phí này phát sinh ở cấp độ tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận dựa trên cơ sở hợp lý.

	Thực ăn chăn nuôi		Thịt và Trang trại		Loại trừ		Hợp nhất	
	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	13.871.348.036.256	13.474.840.096.172	2.378.515.081.290	420.936.545.037	(130.857.634.615)	(97.025.354.537)	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.132.196.578.398	1.106.348.481.932	(301.509.172.296)	(389.228.060.184)	344.085.774	2.126.432.059	831.031.491.876	719.246.853.807
Chi phí không phân bổ thuần							(150.839.359.221)	(150.891.655.372)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh							680.192.132.655	568.355.198.435
Thu nhập khác								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(182.722.241.213)	(198.186.843.580)	(5.418.383.338)	(27.877.183)	-	-	150.773.960	(425.528.621)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	949.474.337.185	908.161.638.352	(306.927.555.634)	(389.255.937.367)	344.085.774	2.126.432.059	492.202.282.064	369.714.949.051

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Thức ăn chăn nuôi		Thịt và Trang trại		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	13.204.151.038.455	11.680.898.345.139	3.631.354.037.072	2.214.730.352.221	(1.024.599.885.041)	(1.344.171.191.902)	15.810.905.190.486	12.551.457.505.458
Đầu tư vào các công ty liên kết	11.058.791.099	24.447.009.640	2.135.490.172.000	2.135.490.172.000	-	-	2.146.548.963.099	2.159.937.181.640
Tổng tài sản							17.957.454.153.585	14.711.394.687.098
Nợ phải trả bộ phận	6.408.607.930.041	5.078.302.036.984	4.082.917.417.084	3.453.398.383.866	(997.285.344.500)	(1.343.501.676.587)	9.494.240.002.625	7.188.198.744.263
Chi tiêu vốn	76.060.499.581	115.568.331.196	934.782.403.861	2.001.515.657.370	-	-	1.010.842.903.442	2.117.083.988.566
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	292.943.955.506	314.754.461.028	157.283.641.098	53.101.028.522	-	-	450.227.596.604	367.855.489.550
Khấu hao tài sản cố định vô hình	243.980.444.881	321.233.686.684	576.280.479	515.291.716	-	-	244.556.725.360	321.748.978.400

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn, dựa trên vị trí địa lý của khách hàng và tài sản, hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh – Công ty Cổ phần 3F VIỆT

Trong tháng 11 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 51% vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần 3F VIỆT với tổng số tiền thanh toán bao gồm phí giao dịch là 614.774 triệu VND.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	572.806.861.031	-	572.806.861.031
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	50.928.099.166	-	50.928.099.166
Hàng tồn kho – thuần	78.574.272.708	-	78.574.272.708
Tài sản ngắn hạn khác	93.091.862.791	10.156.240.460	103.248.103.251
Phải thu dài hạn khác	442.300.000	-	442.300.000
Tài sản cố định hữu hình – thuần	69.197.407.384	15.256.816.244	84.454.223.628
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính – thuần	22.761.303.606	-	22.761.303.606
Tài sản cố định vô định – thuần	-	322.659.298.685	322.659.298.685
Xây dựng cơ bản dở dang	38.200.969.560	-	38.200.969.560
Chi phí trả trước dài hạn	12.690.035.104	-	12.690.035.104
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.281.936.945	-	6.281.936.945
Phải trả người bán ngắn hạn	(184.351.921.800)	-	(184.351.921.800)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(70.203.918.995)	-	(70.203.918.995)
Phải trả ngắn hạn khác	(25.368.527.367)	-	(25.368.527.367)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(34.421.855.455)	-	(34.421.855.455)
Phải trả dài hạn khác	(5.036.135.615)	-	(5.036.135.615)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(52.210.853.308)	(52.210.853.308)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	625.592.689.063	295.861.502.081	921.454.191.144
Tài sản thuần được hợp nhất			469.941.637.483
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 19)			144.832.662.517
Giá phí hợp nhất kinh doanh			614.774.300.000
Khoản tiền thu được từ hợp nhất kinh doanh			572.806.861.031
Khoản tiền thanh toán thuần			41.967.438.969

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ hợp nhất kinh doanh phát sinh chủ yếu từ sự cộng hưởng mà Ban Tổng Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất hoạt động và lực lượng lao động của công ty được mua lại vào hoạt động kinh doanh hiện hữu của Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động kinh doanh được mua lại đã đóng góp 106.243 triệu VND doanh thu và 11.171 triệu VND lỗ thuần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.283.647.862	1.146.399.948
Tiền gửi ngân hàng	113.112.956.930	180.275.108.940
Tiền đang chuyển	98.606.857	277.893.750
Các khoản tương đương tiền	1.520.300.000.000	1.303.900.000.000
	1.635.795.211.649	1.485.599.402.638

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm 3.000 triệu VND (1/1/2020: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

7. Đầu tư

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	134.950.000.000	156.400.000.000
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (b)	1.290.000.000.000	-
	1.424.950.000.000	156.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
▪ Đầu tư vào các công ty liên kết (c)	2.146.548.963.099	2.159.937.181.640
▪ Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (d)	30.588.758.800	21.646.000.000
▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (d)	(5.627.960.000)	(8.441.940.000)
	2.171.509.761.899	2.173.141.241.640

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và được hưởng lãi suất năm là 5,8% (1/1/2020: 6,2%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 12.900 triệu VND (1/1/2020: 1.400 triệu VND) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, một bên liên quan, để bảo đảm cho các nghĩa vụ thực hiện của công ty con trong một số hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ.

(b) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	6,5%	2021	150.000.000.000	-
Các bên thứ ba	6,5%	2021	1.140.000.000.000	-
			1.290.000.000.000	-

Phải thu về cho vay từ công ty mẹ và các bên thứ ba không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2020		1/1/2020			
	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản ("Vissan")	20.180.026	24,9%	2.135.490.172.000	20.180.026	24,9%	2.135.490.172.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát ("Thuận Phát")	490.000	25,0%	4.289.329.696	490.000	25,0%	4.925.117.326
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình ("Abattoir")	900.000	25,0%	6.769.461.403	500.000	25,0%	6.708.889.701
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai ("Donatraco") (*)	-	-	-	850.800	21,3%	12.813.002.613
			<u>2.146.548.963.099</u>			<u>2.159.937.181.640</u>

(*) Trong năm, Donatraco đã phát hành thêm 4.000.000 cổ phiếu cho một số nhà đầu tư khác, do đó tỷ lệ lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Donatraco giảm từ 21,3% xuống 10,63%. Tập đoàn đã phân loại khoản đầu tư này sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh 7(d)).

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Vissan VND	Thuận Phát VND	Abattoir VND	Donatraco VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.135.490.172.000	4.925.117.326	6.708.889.701	12.813.002.613	2.159.937.181.640
Phần lãi/(lỗ) phát sinh sau ngày mua được chia	10.090.013.000	(635.787.630)	560.571.702	-	10.014.797.072
Cổ tức công bố	(10.090.013.000)	-	(500.000.000)	-	(10.590.013.000)
Phần loại sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-	-	(8.942.758.800)	(8.942.758.800)
Lỗ do phân loại sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-	-	(3.870.243.813)	(3.870.243.813)
Số dư cuối năm	2.135.490.172.000	4.289.329.696	6.769.461.403	-	2.146.548.963.099

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2020		1/1/2020	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	5,41%	21.646.000.000	5,41%	21.646.000.000
Donatraco	10,63%	8.942.758.800	-	-
		(*)		
		16.018.040.000		(8.441.940.000)
		(5.627.960.000)		13.204.060.000
		-		-
		30.588.758.800		21.646.000.000
		(5.627.960.000)		(8.441.940.000)



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ được xác định dựa trên giá cổ phiếu được niêm yết trên thị trường giao dịch công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 với giá 7.400 VND/cổ phiếu (1/1/2020: 6.100 VND/cổ phiếu).

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.441.940.000	8.441.940.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(2.813.980.000)	-
Số dư cuối năm	<u>5.627.960.000</u>	<u>8.441.940.000</u>

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	83.785.913.212	12.829.922.578
Các khách hàng khác	544.145.206.415	361.621.883.543
	<u>627.931.119.627</u>	<u>374.451.806.121</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	248.831.324	548.065.749
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	83.785.913.212	12.829.922.578
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan	6.232.503.836	34.385.400
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	1.801.255.001	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD	1.397.985.320	-
▪ Công ty Cổ phần Masan Jinju	661.043.452	-
▪ Công ty Cổ phần Masan Blue	43.139	96.748.292
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG	-	119.013.887

Các khoản phải thu từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trả trước cho người bán của Tập đoàn bao gồm 69.877 triệu VND (1/1/2020: 629.642 triệu VND) liên quan đến tài sản cố định.

10. Phải thu khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho các bên thứ ba vay	60.210.285.880	7.199.576.986
Lãi phải thu từ cho vay từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	2.323.972.603	-
Tạm ứng nhân viên	2.324.001.905	2.458.153.241
Đặt cọc ngắn hạn	5.139.283.628	2.725.355.215
Thuế giá trị gia tăng phải thu	-	83.863.305.408
Phải thu khác	7.310.423.807	20.102.874.415
	77.307.967.823	116.349.265.265
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc dài hạn	32.405.791.605	16.506.597.000

Lãi cho vay phải thu từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và đến hạn vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	105.744.315.607	106.135.140.349
Trích lập dự phòng trong năm	6.703.483.901	13.515.336.137
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.469.263)	(5.926.240.831)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(20.326.798.717)	(7.979.920.048)
Số dư cuối năm	92.114.531.528	105.744.315.607

12. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	459.084.932.233	-	167.454.196.591	-
Nguyên vật liệu	1.168.506.803.921	(1.299.376.917)	854.900.390.692	(2.331.488.570)
Công cụ và dụng cụ	103.156.978.499	(1.776.950.917)	98.633.586.054	(1.663.097.204)
Sản phẩm dở dang	311.633.159.151	-	167.771.382.262	-
Thành phẩm	218.245.504.872	(24.533.471.333)	260.041.238.033	(17.124.541.027)
Hàng hóa	1.715.095.933	-	1.519.981.572	-
	2.262.342.474.609	(27.609.799.167)	1.550.320.775.204	(21.119.126.801)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 2.825 triệu VND (1/1/2020: 3.994 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 43.106 triệu VND (1/1/2020: 33.415 triệu VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	21.119.126.801	5.577.461.820
Trích lập dự phòng trong năm	53.141.164.887	20.548.202.829
Sử dụng dự phòng trong năm	(183.039.564)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(46.467.452.957)	(5.006.537.848)
Số dư cuối năm	27.609.799.167	21.119.126.801

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.188.673.996.467	1.945.851.589.013	89.822.342.421	58.848.040.172	5.283.195.968.073
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	15.397.326.967	49.129.991.022	19.926.905.639	-	84.454.223.628
Tăng trong năm	55.000.587.017	82.854.143.763	30.543.503.645	4.922.653.000	173.320.887.425
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	618.049.390.769	479.201.247.091	5.790.952.617	14.502.017.988	1.117.543.608.465
Thanh lý	(5.317.028.800)	(8.388.903.855)	(9.634.877.033)	(1.975.000.000)	(25.315.809.688)
Xóa sổ	-	-	-	(377.176.600)	(377.176.600)
Phân loại lại	13.175.049.637	16.296.540.000	(13.175.049.637)	(16.296.540.000)	-
Số dư cuối năm	3.884.979.322.057	2.564.944.607.034	123.273.777.652	59.623.994.560	6.632.821.701.303
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	462.790.361.492	674.449.719.044	38.613.830.121	15.917.138.109	1.191.771.048.766
Khấu hao trong năm	195.395.082.300	228.828.919.291	14.022.220.939	11.498.810.626	449.745.033.156
Thanh lý	(3.752.168.725)	(2.170.297.761)	(9.387.077.805)	(406.849.953)	(15.716.394.244)
Xóa sổ	-	-	-	(377.176.600)	(377.176.600)
Phân loại lại	2.200.993.104	4.004.680.569	(2.200.993.104)	(4.004.680.569)	-
Số dư cuối năm	656.634.268.171	905.113.021.143	41.047.980.151	22.627.241.613	1.625.422.511.078
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.725.883.634.975	1.271.401.869.969	51.208.512.300	42.930.902.063	4.091.424.919.307
Số dư cuối năm	3.228.345.053.886	1.659.831.585.891	82.225.797.501	36.996.752.947	5.007.399.190.225

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá là 736.455 triệu VND (1/1/2020: 562.087 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 3.646.538 triệu VND (1/1/2020: 2.831.368 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Giá trị còn lại của nhà cửa và thiết bị trong tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 38.254 triệu VND (1/1/2020: không).

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyên VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tăng do hợp nhất kinh doanh và số dư cuối năm (Thuyết minh 5)	20.950.856.339	1.810.447.267	22.761.303.606
Giá trị hao mòn lũy kế			
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	443.666.189	38.897.259	482.563.448
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	20.507.190.150	1.771.550.008	22.278.740.158

Tập đoàn thuê một số tài sản cố định theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối thời hạn của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 24).



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Mối quan hệ khách hàng VND	Công nghệ VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	207.411.509.016	61.564.339.505	1.615.000.000.000	2.413.100.000.000	566.000.000.000	4.863.075.848.521
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	-	199.782.021.840	122.877.276.845	-	322.659.298.685
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.487.500.000	282.881.250	-	-	-	12.770.381.250
Số dư cuối năm	219.899.009.016	61.847.220.755	1.814.782.021.840	2.535.977.276.845	566.000.000.000	5.198.505.528.456
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.276.376.950	22.349.750.704	400.775.000.009	606.936.250.000	541.650.000.010	1.599.987.377.673
Khấu hao trong năm	6.054.612.598	9.050.354.565	82.599.833.540	121.294.985.813	24.349.999.990	243.349.786.506
Số dư cuối năm	34.330.989.548	31.400.105.269	483.374.833.549	728.231.235.813	566.000.000.000	1.843.337.164.179
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	179.135.132.066	39.214.588.801	1.214.224.999.991	1.806.163.750.000	24.349.999.990	3.263.088.470.848
Số dư cuối năm	185.568.019.468	30.447.115.486	1.331.407.188.291	1.807.746.041.032	-	3.355.168.364.277

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 571.533 triệu VND (1/1/2020: 5.533 triệu VND), đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 12.756 triệu VND (1/1/2020: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	353.241.217.535	466.397.480.764
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	38.200.969.560	-
Tăng trong năm	931.704.821.109	1.817.117.245.784
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.117.543.608.465)	(1.894.952.134.157)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(12.770.381.250)	(2.810.682.089)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.858.280.508)	(32.164.905.115)
Xóa sổ	-	(345.787.652)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	181.974.737.981	353.241.217.535

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Máy móc và thiết bị	101.949.035.951	200.969.624.893
Nhà cửa và vật kiến trúc	65.934.569.800	111.507.525.682
Các công trình khác	14.091.132.230	40.764.066.960
	<hr/>	<hr/>
	181.974.737.981	353.241.217.535

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 90.728 triệu VND (1/1/2020: 103.081 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Trong năm, chi phí chạy thử, chi phí đi vay và tiền thuê đất vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang với giá trị lần lượt là 14.799 triệu VND, 14.427 triệu VND và 12.090 triệu VND (2019: 100.075 triệu VND, 54.401 triệu VND và 1.164 triệu VND).

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Gà giống	81.879.962.385	-
Công cụ và dụng cụ	22.946.828.578	17.205.476.758
Phí bảo hiểm	2.531.295.441	2.103.576.576
Thuê hoạt động	2.315.939.143	3.358.901.259
Chi phí khác	13.764.491.810	10.354.357.476
	<hr/>	<hr/>
	123.438.517.357	33.022.312.069

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Heo giống VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	227.599.611.920	30.471.011.587	76.004.264.262	81.444.983.891	415.519.871.660
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	7.570.900.283	5.119.134.821	-	-	12.690.035.104
Tăng trong năm	378.607.946.564	17.129.544.230	34.556.546.050	30.253.852.622	460.547.889.466
Chuyển (sang)/từ xây dựng cơ bản dở dang	(8.548.452.280)	3.117.866.491	15.822.553.797	466.312.500	10.858.280.508
Phân bổ trong năm	(7.902.700.858)	(19.832.720.505)	(39.286.264.321)	(35.775.847.224)	(102.797.532.908)
Thanh lý	-	(882.516.615)	(28.094.002.555)	(353.109.144)	(29.329.628.314)
Xóa sổ	-	(484.060.500)	-	(739.588.982)	(1.223.649.482)
Số dư cuối năm	597.327.305.629	34.638.259.509	59.003.097.233	75.296.603.663	766.265.266.034

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, chi phí đất trả trước, heo giống và gà giống với giá trị ghi sổ lần lượt là 497.123 triệu VND (1/1/2020: 158.193 triệu VND), 54.332 triệu VND (1/1/2020: 67.586 triệu VND) và 10.411 triệu VND (1/1/2020: không), được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	2.370.069.907	2.765.147.122
Dự phòng phải thu khó đòi	10.788.145.285	12.647.944.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	168.235.517	283.103.492
Chi phí phải trả và dự phòng	29.345.427.420	24.529.369.238
Lỗ tính thuế được mang sang	21.280.300.095	30.527.132.812
Khác	1.309.949.009	1.312.512.810
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	65.262.127.233	72.065.210.046
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định vô hình	(489.812.587.555)	(476.314.542.644)
Tài sản cố định hữu hình	(8.312.052.463)	(11.789.669.873)
Chi phí trả trước ngắn hạn	(1.396.483.063)	-
Khác	(183.950.854)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(499.705.073.935)	(488.104.212.517)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(434.442.946.702)	(416.039.002.471)

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/1/2020 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh VND	Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất VND	31/12/2020 VND
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	2.765.147.122	-	(395.077.215)	2.370.069.907
Dự phòng phải thu khó đòi	12.647.944.572	-	(1.859.799.287)	10.788.145.285
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	283.103.492	-	(114.867.975)	168.235.517
Chi phí phải trả và dự phòng	24.529.369.238	-	4.816.058.182	29.345.427.420
Lỗ tính thuế được mang sang	30.527.132.812	6.281.936.945	(15.528.769.662)	21.280.300.095
Tài sản cố định vô hình	(476.314.542.644)	(48.510.695.427)	35.012.650.516	(489.812.587.555)
Tài sản cố định hữu hình	(11.789.669.873)	(2.176.721.812)	5.654.339.222	(8.312.052.463)
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.523.436.069)	126.953.006	(1.396.483.063)
Khác	1.312.512.810	-	(186.514.655)	1.125.998.155
	(416.039.002.471)	(45.928.916.363)	27.524.972.132	(434.442.946.702)

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	144.832.662.517
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	1.206.938.854
Giá trị ghi sổ	
Số dư cuối năm	143.625.723.663

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Pro-active Synergy Sdn. Bhd	109.355.355.375	99.777.835.335
Các nhà cung cấp khác	1.102.546.652.044	757.869.480.374
	1.211.902.007.419	857.647.315.709

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát	4.144.420.506	1.119.450.200
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình	566.385.400	487.835.600
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	22.923.950.274	20.377.310.037
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	96.591.591	-
Công ty Cổ phần Masan Jinju	-	1.372.172.193
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan	-	16.249.800

Khoản phải trả cho các công ty liên kết và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ/ phân loại lại VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	19.099.652.828	4.624.689.182	34.428.752.118	(21.516.279.340)	(33.783.406.735)	2.853.408.053
Thuế xuất nhập khẩu	124.856.397	-	83.202.118.558	(83.284.241.311)	-	42.733.644
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.075.864.373	-	215.665.596.683	(201.952.780.669)	(2.679.143.954)	77.109.536.433
Thuế thu nhập cá nhân	14.750.441.641	129.524.102	56.187.658.840	(58.102.477.133)	(3.789.702.079)	9.175.445.371
Các loại thuế khác	-	-	1.127.609.760	(1.120.575.360)	-	7.034.400
	100.050.815.239	4.754.213.284	390.611.735.959	(365.976.353.813)	(40.252.252.768)	89.188.157.901

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chiết khấu thương mại	319.777.308.156	291.574.701.027
Phải trả công trình xây dựng	172.437.425.556	168.592.805.169
Thương thành tích	88.668.006.045	81.393.289.994
Chi phí lãi vay	67.447.906.749	66.763.968.562
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	30.195.906.640	45.905.498.536
Chi phí vận chuyển	8.961.029.431	6.472.895.904
Chi phí khác	32.036.293.988	23.756.176.124
	719.523.876.565	684.459.335.316

23. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả (*)	27.530.697.600	27.530.697.600
Chi phí lãi vay phải trả:		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ (**)	1.478.794.521	-
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan, bên liên quan (**)	3.276.712.329	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	544.072.657	65.185.648
Đặt cọc ngắn hạn nhận được	1.890.698.011	522.722.051
Phải trả khác	8.346.012.152	12.791.242.404
	43.066.987.270	40.909.847.703

(*) Cổ tức phải trả cho cổ đông không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

(**) Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính

(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Phân loại loại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.334.291.823.097	58.451.771.063	9.163.800.150.628	(7.793.652.904.602)	-	2.762.890.840.186
Vay dài hạn đến hạn trả	448.466.355.342	-	514.427.078.794	(465.312.428.378)	-	497.581.005.758
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng	-	-	1.986.509.803.914	-	-	1.986.509.803.914
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	11.752.147.932	-	(894.410.556)	(5.145.186.510)	5.712.550.866
	1.782.758.178.439	70.203.918.995	11.664.737.033.336	(8.259.859.743.536)	(5.145.186.510)	5.252.694.200.724

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo	VND	6,3% - 6,8%	49.776.484.675	-
Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,3% - 6,4%	2.313.114.355.511	1.334.291.823.097
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan, một bên liên quan	VND	6,5%	400.000.000.000	-
			2.762.890.840.186	1.334.291.823.097

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	2.439.619.793	-
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	12.487.500.000	-
▪ Gà giống (Thuyết minh 17)	10.411.242.874	-

Các khoản vay ngân hàng của các công ty con với giá trị ghi sổ là 561.650 triệu VND được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn (i)	2.080.290.896.158	1.638.720.863.841
Trái phiếu thường (ii)	1.986.509.803.914	1.982.998.039.209
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	10.931.224.876	-
	4.077.731.924.948	3.621.718.903.050
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.489.803.360.538)	(448.466.355.342)
	1.587.928.564.410	3.173.252.547.708

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng có đảm bảo					
Khoản vay 1	VND	8,4% - 9,6%	2023	732.000.000.000	1.000.000.000.000
Khoản vay 2	VND	10,8%	2023	527.807.022.513	563.760.348.133
Khoản vay 3	VND	7,6% - 8%	2026	788.318.632.486	-
Khoản vay 4	VND	10,8%	2023	4.465.246.159	-
Khoản vay 5	VND	3,8%	2023	27.699.995.000	-
Khoản vay 6	VND	7,8% - 8,6%	2021	-	74.960.515.708
				2.080.290.896.158	1.638.720.863.841

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay 1 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	1.550.515.159.475	1.534.966.636.445
▪ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	55.859.969.508	2.592.204.271
▪ Heo giống (Thuyết minh 17)	54.331.604.049	67.585.772.456
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	55.717.838.560	55.690.275.866

Khoản vay 2 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	1.009.936.668.293	977.729.994.560
▪ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	23.785.309.575	73.136.695.417
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	72.367.032.919	73.954.609.508

Khoản vay 3 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tiền và tương đương tiền (Thuyết minh 4)	3.000.000.000	-
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	1.002.328.778.791	-
▪ Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	268.737.188	-
▪ Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	11.082.326.866	-
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	362.763.523.475	-

Khoản vay 4 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	54.221.261.588	-

Khoản vay 5 được đảm bảo bằng tài sản sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	27.096.626.556	-
▪ Chi phí đất trả trước (Thuyết minh 17)	6.274.809.391	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trái phiếu thường	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(13.490.196.086)	(17.001.960.791)
	1.986.509.803.914	1.982.998.039.209

Trái phiếu được đảm bảo của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- 1.300 tỷ VND (1/1/2020: 1.300 tỷ VND) trái phiếu, chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2021) và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 10,53% vốn góp của MNS Feed (1/1/2020: 17,1 triệu cổ phiếu của ANCO và 24,64% vốn góp của MNS Feed); và
- 700 tỷ VND (1/1/2020: 700 tỷ VND) trái phiếu, chưa bao gồm chi phí phát hành, có thời gian đáo hạn là 5 năm (2021) và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 14,4 triệu cổ phiếu của Proconco (1/1/2020: 14,4 triệu cổ phiếu).

Biến động của chi phí phát hành trái phiếu trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	17.001.960.791	20.513.725.496
Tăng trong năm	16.900.000.000	16.900.000.000
Phân bổ trong năm	(20.411.764.705)	(20.411.764.705)
Số dư cuối năm	13.490.196.086	17.001.960.791

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một bên liên quan của Tập đoàn nắm giữ 70.779 triệu VND (1/1/2020: 177.647 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2020		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	6.354.915.967	642.365.101	5.712.550.866
Trong vòng hai đến năm năm	5.441.615.159	222.941.149	5.218.674.010
	11.796.531.126	865.306.250	10.931.224.876

25. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị của Công ty hoặc các công ty con phê duyệt. Quỹ này dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Không có biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

26. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	27.951.319.000	30.004.889.083
Dự phòng khôi phục hiện trường	6.199.404.404	-
	34.150.723.404	30.004.889.083

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND	Khôi phục hiện trường VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	30.004.889.083	-	30.004.889.083
Trích lập dự phòng trong năm	1.076.443.042	6.199.404.404	7.275.847.446
Sử dụng dự phòng trong năm	(3.130.013.125)	-	(3.130.013.125)
Số dư cuối năm	27.951.319.000	6.199.404.404	34.150.723.404

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(175.543.000.000)	24.671.734.409	1.969.503.401.826	7.181.011.621.384
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.081.091.480.000	(1.081.091.480.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	115.347.906.992	254.367.042.059	369.714.949.051
Cổ tức do các công ty con công bố	-	-	-	-	(27.530.627.600)	(27.530.627.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(175.543.000.000)	140.019.641.401	2.196.339.816.285	7.523.195.942.835
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	23.874.000.000	(50.000.000)	-	-	-	23.824.000.000
Vốn góp vào công ty con của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	263.341.336.611	228.860.945.453	492.202.282.064
Cổ tức do các công ty con công bố	-	-	-	-	(27.530.627.600)	(27.530.627.600)
Hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	451.512.553.661	451.512.553.661
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(175.543.000.000)	403.360.978.012	2.849.192.687.799	8.463.214.150.960

1101 1/11

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	2.387.400	23.874.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	108.109.148	1.081.091.480.000
Số dư cuối năm	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

29. Vốn khác

Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Proconco. Tập đoàn đã ghi nhận giao dịch này trong vốn khác của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho người lao động (“ESOP”) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Vào tháng 10 năm 2020, Công ty đã phát hành 2.387.400 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên bằng tiền.

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	163.945.911.460	104.562.891.454
Trong vòng 2 đến 5 năm	476.301.666.571	368.201.771.146
Sau 5 năm	940.826.070.753	844.655.381.218
	1.581.073.648.784	1.317.420.043.818

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	464.813	10.690.166.020	280.136	6.473.386.904

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	137.592.200.578	418.187.747.223
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	150.578.701.716	608.810.652.838
	288.170.902.294	1.026.998.400.061



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020	2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và doanh thu khác	17.038.062.202.090	14.574.901.245.099
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	916.909.321.924	773.962.404.405
▪ Hàng bán bị trả lại	2.147.397.235	2.149.156.464
▪ Giảm giá hàng bán	-	38.397.558
<hr/>		
	919.056.719.159	776.149.958.427
<hr/>		
Doanh thu thuần	16.119.005.482.931	13.798.751.286.672
<hr/>		

33. Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán và giá vốn khác	13.387.705.086.621	11.517.606.546.669
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.673.711.930	15.541.664.981
<hr/>		
	13.394.378.798.551	11.533.148.211.650
<hr/>		

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	34.897.156.723	66.595.478.990
▪ Phải thu từ cho vay	64.877.446.576	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.506.915.841	6.684.466.647
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	105.943.619	28.677.392
Cổ tức từ đầu tư vốn vào các đơn vị khác	-	3.246.900.000
Thu nhập tài chính khác	-	57.439.634
	<hr/>	<hr/>
	109.387.462.759	76.612.962.663
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Ngân hàng và bên thứ ba	244.813.177.392	106.109.734.434
▪ Trái chủ	174.186.108.960	178.867.866.180
▪ Các bên liên quan	4.755.506.850	-
Chi phí phát hành trái phiếu	20.411.764.705	20.411.764.705
Lỗ do chuyển khoản đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	3.870.243.813	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.702.661.713	3.195.090.439
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.182.683.478	835.599.643
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.813.980.000)	-
Chi phí tài chính khác	58.916.686.374	54.746.802.101
	<hr/>	<hr/>
	508.024.853.285	364.166.857.502
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	327.157.356.198	280.166.909.297
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	215.920.335.136	134.149.385.468
Chi phí vận chuyển	173.747.503.368	101.887.715.617
Chi phí thuê hoạt động	34.949.626.320	17.018.964.660
Khấu hao và phân bổ	18.493.398.203	15.092.811.601
Chi phí công cụ và dụng cụ	20.581.719.203	7.192.946.732
Chi phí bán hàng khác	141.698.818.664	125.196.333.725
	932.548.757.092	680.705.067.100

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Phân bổ điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản cố định phát sinh từ hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại	271.618.656.261	356.665.918.097
Chi phí nhân viên	236.873.820.122	222.682.866.323
Chi phí thuê hoạt động	22.669.767.526	17.184.735.840
Khấu hao và phân bổ	44.493.599.612	39.704.191.717
Dụng cụ văn phòng	15.265.781.733	11.571.235.183
Dự phòng phải thu khó đòi	(13.623.314.816)	5.535.416.089
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	141.810.920.010	144.003.832.021
	719.109.230.448	797.348.195.270

38. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.042.046.588	1.830.413.450
Lãi từ thanh lý quyền sử dụng đất	-	81.264.692.532
Thu nhập khác	16.708.802.282	10.521.656.299
	18.750.848.870	93.616.762.281

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định trong giai đoạn tạm ngưng sản xuất	16.234.413.515	4.170.246.541
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	823.995.054	5.839.152.262
Phí môi giới và tư vấn	253.147.638	7.156.797.417
Phạt hủy hợp đồng	-	13.938.212.527
Chi phí khác	5.442.489.434	4.269.185.394
	22.754.045.641	35.373.594.141

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	216.662.179.878	236.635.000.681
Dự phòng thừa trong những năm trước	(996.583.195)	(899.428.004)
	215.665.596.683	235.735.572.677
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(29.733.844.502)	(39.207.309.145)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.208.872.370	1.686.457.231
	(27.524.972.132)	(37.520.851.914)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	188.140.624.551	198.214.720.763

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	680.342.906.615	567.929.669.814
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	136.068.581.323	113.585.933.963
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác của các công ty con	(100.258.085.089)	(10.163.162.777)
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.666.726.955	41.735.442.016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	146.973.706.556	55.710.179.973
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.208.872.370	1.686.457.231
Ảnh hưởng của lãi từ các công ty liên kết	(2.002.959.414)	(1.938.116.772)
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(2.519.634.955)	(853.204.867)
Thu nhập không chịu thuế	-	(649.380.000)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(996.583.195)	(899.428.004)
	188.140.624.551	198.214.720.763

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau và cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định về ưu đãi thuế, quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể có ảnh hưởng đáng kể.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm là 263.341 triệu VND (2019: 115.348 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 324.927.558 (2019: 324.327.447 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	263.341.336.611	115.347.906.992

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	324.327.447	216.218.299
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	108.109.148
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đã phát hành theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	600.111	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	324.927.558	324.327.447

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Bán hàng	7.010.466.380	672.454.465
Khoản vay nhận được	1.000.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay	1.000.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.478.794.521	-
Cho vay	150.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	2.323.972.603	-
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Abattoir Long Bình		
Phí gia công	6.571.889.688	6.065.137.272
Thu nhập cổ tức	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát		
Mua hàng	32.558.232.252	24.103.186.749
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản		
Thu nhập cổ tức	10.090.013.000	10.090.013.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Phí hỗ trợ quản lý	46.647.750.731	42.915.067.735
Mua hàng	17.407.182.031	6.509.335
Bán hàng	2.082.839.974	539.310.665
Công ty Cổ phần Masan Jinju		
Bán hàng	33.195.468.475	724.577.512
Mua tài sản cố định	7.542.750.000	3.624.510.255
Mua hàng	79.294.215	3.433.150
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HD		
Bán hàng	3.397.026.758	-
Mua dịch vụ	6.046.100	239.896.666
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Masan		
Bán hàng	10.654.065.847	52.453.025
Mua hàng	1.042.367.970	132.946.280
Mua tài sản cố định	-	39.450.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan HG		
Bán tài sản cố định	-	108.194.443
Công ty Cổ phần Masan Blue		
Bán hàng	193.396.704	94.713.551
Công ty TNHH Tâm nhìn Masan		
Khoản vay nhận được	400.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	3.276.712.329	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET		
Mua hàng	187.858.491	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng	5.202.000	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo		
Bán hàng	3.636.364	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce		
Mua hàng	1.593.060.811	-
Bán hàng	530.491.166.219	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB		
Mua hàng	-	337.735.333
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	38.131.029.571	43.418.278.587

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng khoản thù lao trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	2020 VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch	-
Ông Phạm Trung Lâm	Thành viên	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-
Ông Neal Leroux Kok	Thành viên	-
Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Trung Lâm		5.983.476.000

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	223.489.926.168	336.937.952.785
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	50.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.081.091.480.000

44. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
 Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Phạm Trung Lâm
Ông Trần Phương Bắc
Ông Neal Leroux Kok

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Bà Phạm Quỳnh Nga
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

10/10/2011
C
C
NH

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

==
:0.
NF
T
PA
HI
==



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00895-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.891.262.464.053	2.340.885.319.208
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.176.073.253.973	683.578.280.096
Tiền	111		47.073.253.973	52.878.280.096
Các khoản tương đương tiền	112		1.129.000.000.000	630.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.000.000.000	155.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	22.000.000.000	155.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.589.031.346.092	1.377.960.908.191
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	82.141.237.023	56.491.514.068
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	432.057.432.017	366.078.064.740
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	937.650.000.000	584.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	142.295.995.849	380.372.317.075
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(5.113.318.797)	(9.780.987.692)
Hàng tồn kho	140	10	102.140.377.965	121.398.871.431
Hàng tồn kho	141		102.140.377.965	121.398.871.431
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.017.486.023	2.947.259.490
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.986.423.504	2.840.137.866
Thuế phải thu Nhà nước	153		31.062.519	107.121.624

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		9.904.132.572.551	6.875.819.608.026
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		461.254.552	647.071.056
Tài sản cố định hữu hình	221		231.120.224	278.856.128
Nguyên giá	222		488.745.318	402.450.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.625.094)	(123.594.190)
Tài sản cố định vô hình	227		230.134.328	368.214.928
Nguyên giá	228		690.403.000	690.403.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(460.268.672)	(322.188.072)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	9.899.664.500.000	6.870.004.511.729
Đầu tư vào các công ty con	251		9.899.664.500.000	6.694.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	175.553.889.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.004.061.999	5.165.269.241
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.004.061.999	5.165.269.241
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.795.395.036.604	9.216.704.927.234

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.772.665.322.450	6.101.856.252.863
Nợ ngắn hạn	310		6.029.655.921.740	2.560.473.071.875
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.742.722.363.752	1.948.060.627.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.899.556.110	5.366.344.141
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	4.621.894.902	8.218.654.521
Phải trả người lao động	314		5.223.974	5.223.968
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	267.206.555.730	222.430.042.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	2.009.990.327.272	7.862.179.663
Vay ngắn hạn	320	17(a)	993.210.000.000	368.530.000.000
Nợ dài hạn	330		3.743.009.400.710	3.541.383.180.988
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	620.693.878.024	417.869.847.802
Vay dài hạn	338	17(b)	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436
Dự phòng phải trả dài hạn	342		10.471.427.250	11.669.237.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.022.729.714.154	3.114.848.674.371
Vốn chủ sở hữu	410	18	3.022.729.714.154	3.114.848.674.371
Vốn cổ phần	411	19	3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.267.148.470.000	3.243.274.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.119.055.015.149	2.119.105.015.149
Lỗi lũy kế	421		(2.363.473.770.995)	(2.247.530.810.778)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.247.530.810.778)	(2.355.876.584.519)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		(115.942.960.217)	108.345.773.741
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.795.395.036.604	9.216.704.927.234

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	10.620.165.390.237	9.778.042.006.810
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	677.346.312.542	559.731.228.140
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	9.942.819.077.695	9.218.310.778.670
Giá vốn hàng bán	11	23	9.310.555.410.727	8.619.123.155.578
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		632.263.666.968	599.187.623.092
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	159.632.865.571	376.320.251.017
Chi phí tài chính	22	25	282.676.619.901	260.783.543.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		223.922.897.013	205.928.474.943
Chi phí bán hàng	25	26	474.474.287.594	455.061.372.929
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	150.839.359.221	150.891.655.372
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(116.093.734.177)	108.771.302.362
Thu nhập khác	31		160.591.686	11.788.328
Chi phí khác	32		9.817.726	437.316.949
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		150.773.960	(425.528.621)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(115.942.960.217)	108.345.773.741
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(115.942.960.217)	108.345.773.741

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(115.942.960.217)	108.345.773.741
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	272.111.504	216.676.302
Các khoản dự phòng	03	(4.270.906.520)	11.093.988.676
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	406.414.322	180.543.000
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(159.510.690.926)	(374.387.598.204)
Chi phí lãi vay	06	223.922.897.013	205.928.474.943
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(55.123.134.824)	(48.622.141.542)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(89.715.400.005)	(215.028.031.104)
Biến động hàng tồn kho	10	19.258.493.466	1.631.251.683
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	840.729.610.518	908.220.771.828
Biến động chi phí trả trước	12	2.014.921.604	(5.442.943.058)
		717.164.490.759	640.758.907.807
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.288.679.339)	(2.551.493.806)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.594.572.875)	(1.227.937.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	698.281.238.545	636.979.476.618
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(86.295.000)	(205.699.038)
Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	22	-	1.635.719.000
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.084.150.000.000)	(739.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24	1.864.300.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(5.200.777.300.000)	(600.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty con	26	4.171.106.422.729	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	395.673.321.925	126.578.545.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(853.933.850.346)	(1.211.791.434.186)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	23.874.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	2.054.730.000.000	461.688.600.360
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.430.050.000.000)	(93.158.600.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	648.554.000.000	368.530.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	492.901.388.199	(206.281.957.568)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	683.578.280.096	890.040.780.664
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(406.414.322)	(180.543.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.176.073.253.973	683.578.280.096

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 3 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2020: 2 công ty con sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 11, xem Thuyết minh 11 về biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2020: 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 781 nhân viên (1/1/2020: 849 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và bảo trì trả trước được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và cổ tức từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê trong đó theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(r) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo mệnh giá.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.522.669.862	631.460.978
Tiền gửi ngân hàng	45.530.754.111	52.002.819.118
Tiền đang chuyển	19.830.000	244.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.129.000.000.000	630.700.000.000
	1.176.073.253.973	683.578.280.096

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng bằng VND với thời hạn đáo hạn còn lại trên ba tháng và dưới mười hai tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và hưởng lãi suất năm là 5,8% (1/1/2020: 6,2%).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Các công ty con</i>		
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	4.418.204.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	1.261.601.715	300.404.775
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	1.125.969.760	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	-	2.368.431.555

Các khoản phải thu từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	9.780.987.692	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	9.780.987.692
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.667.668.895)	-
Số dư cuối năm	<u>5.113.318.797</u>	<u>9.780.987.692</u>

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Các công ty con</i>		
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	295.238.048.687	87.687.223.612
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	85.118.178.465	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	25.656.231.780	51.704.819.250
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	20.543.809.085	64.568.629.780
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	-	107.272.638.772
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	50.218.551.115

Các khoản trả trước cho các công ty con không có đảm bảo và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con:				
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	6,5%	2021	387.000.000.000	199.800.000.000
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)	6,5%	2021	94.550.000.000	265.000.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	6,5%	2021	36.100.000.000	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	6,5%	2021	150.000.000.000	-
Một bên thứ ba	6,5%	2021	270.000.000.000	-
			937.650.000.000	584.800.000.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ công ty mẹ, các công ty con và bên thứ ba không được bảo đảm.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi phải thu từ cho các bên liên quan vay	45.462.638.387	5.201.923.292
Cổ tức phải thu các công ty con	83.063.297.600	365.313.561.504
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng và cho các bên thứ ba vay	12.233.435.618	6.406.517.808
Phải thu khác từ các công ty con	557.775.920	2.247.968.743
Tạm ứng nhân viên	950.994.077	1.200.038.241
Đặt cọc ngắn hạn	2.095.500	2.095.500
Phải thu khác	25.758.747	211.987
		380.372.317.075
		142.295.995.849

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	2.323.972.603	-
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Feed	83.063.297.600	260.000.000.000
▪ Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	22.005.065.789	2.912.961.645
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)	16.239.667.566	909.305.480
▪ Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	5.146.860.277	1.379.656.167
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	116.169.852	238.561.995
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	114.127.200	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	33.874.215	105.313.561.504
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	26.794.480	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	9.003.322	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ	3.786.001	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	588.000	-
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	315.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	190.002	889.178.248
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	-	1.120.228.500

Lãi cho vay phải thu từ công ty mẹ và các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và đến hạn vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay.

Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Hàng hóa	102.140.377.965	121.398.871.431

Không có dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty con (a)	9.899.664.500.000	6.694.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (b)	-	175.553.889.000
	9.899.664.500.000	6.870.004.511.729

(a) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2020		1/1/2020	
	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”)	99,9%	7.283.990.000.000	99,9%	3.111.990.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”) (*)	-	-	100,0%	3.581.563.422.729
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”) (*)	100,0%	2.000.003.000.000	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”) (**)	51,0%	614.774.300.000	-	-
Đầu tư khác	-	897.200.000	-	897.200.000
		9.899.664.500.000		6.694.450.622.729

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu cùng với quyền chọn mua (Thuyết minh 11(b)) trong ANCO cho MNS Feed và mua 99,9% vốn chủ sở hữu trong MNS Meat từ ANCO.

(**) Trong tháng 11 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 51% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần 3F VIỆT, một nhà chăn nuôi và chế biến thịt gia cầm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	MNS Feed VND	ANCO VND	MNS Meat VND	3F VIỆT VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.111.990.000.000	3.581.563.422.729	-	-	897.200.000	6.694.450.622.729
Tăng trong năm	4.172.000.000.000	414.000.000.000	1.999.989.111.000	614.774.300.000	-	7.200.763.411.000
Chuyển từ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-	13.889.000	-	-	13.889.000
Thanh lý khoản đầu tư	-	(3.995.563.422.729)	-	-	-	(3.995.563.422.729)
Số dư cuối năm	7.283.990.000.000	-	2.000.003.000.000	614.774.300.000	897.200.000	9.899.664.500.000

Thông tin chi tiết của các công ty con như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH MNS Feed	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư;
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
Công ty TNHH MNS Meat	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Tráng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư;
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm và chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt;

11/11/2021

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	1/1/2020		Giá gốc VND
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Công ty TNHH MNS Meat	0,001%	-	10.889.000
Đầu tư khác (*)	-	-	175.543.000.000
			175.553.889.000

- (*) Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp. Công ty ghi nhận giao dịch này trong đầu tư góp vốn khác.

Biến động của các khoản đầu tư vào các đơn vị khác trong năm như sau

	MNS Meat VND	Đầu tư khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.889.000	175.543.000.000	175.553.889.000
Tăng trong năm	3.000.000	-	3.000.000
Chuyển sang đầu tư vào các công ty con	(13.889.000)	-	(13.889.000)
Thanh lý khoản đầu tư	-	(175.543.000.000)	(175.543.000.000)
			Số dư cuối năm
	-	-	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.520.597.697	644.671.544	5.165.269.241
Tăng trong năm	845.611.800	687.007.598	1.532.619.398
Phân bổ trong năm	(2.219.301.862)	(474.524.778)	(2.693.826.640)
			Số dư cuối năm
	3.146.907.635	857.154.364	4.004.061.999

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.187.376.275.950	1.748.235.987.687
Các nhà cung cấp khác	555.346.087.802	199.824.639.395
	<hr/> 2.742.722.363.752	<hr/> 1.948.060.627.082

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	2.187.376.275.950	1.748.235.987.687
▪ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên	171.688.262.720	130.016.204.910
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	145.020.554.574	-
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	52.086.866.325	32.565.908.650
▪ Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	157.898.703.815	669.156.080
▪ Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long	396.000.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	-	14.580.289.420
Các bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	4.563.823.848	4.509.684.250
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	81.864.791	-
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả cho các công ty con và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ/ phân loại lại VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	76.059.105	-	(76.059.105)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.218.654.521	31.868.991.546	(33.028.722.737)	(2.437.028.428)	4.621.894.902
Các loại thuế khác	-	50.260.000	(50.260.000)	-	-
	<u>8.218.654.521</u>	<u>31.995.310.651</u>	<u>(33.078.982.737)</u>	<u>(2.513.087.533)</u>	<u>4.621.894.902</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chiết khấu thương mại	207.230.066.842	169.669.987.563
Thương thành tích	41.950.199.620	37.321.201.948
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	7.818.797.632	3.176.739.678
Chi phí lãi vay	1.640.590.055	1.107.114.932
Chi phí vận chuyển	888.932.642	579.534.693
Chi phí khác	7.677.968.939	10.575.463.686
	<u>267.206.555.730</u>	<u>222.430.042.500</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải trả ANCO cho việc chuyển nhượng MNS Meat do tái cấu trúc (Thuyết minh 11(a)) (*)	1.999.989.111.000	-
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty TNHH Tầm nhìn Masan, một bên liên quan (**)	3.276.712.329	-
Phải trả khác cho các bên liên quan (***)	389.409.575	290.168.126
Phải trả khác	6.335.094.368	7.572.011.537
	2.009.990.327.272	7.862.179.663

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 29 tháng 12 năm 2020, khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trước ngày 31 tháng 8 năm 2021.

(**) Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả quy định trong hợp đồng vay (Thuyết minh 17(a)).

(***) Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan bao gồm:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
▪ Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang	389.409.575	30.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	-	258.168.126
▪ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc	-	2.000.000

Các khoản phải trả cho các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con, sở hữu gián tiếp	620.693.878.024	417.869.847.802

Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả vào ngày đáo hạn của khoản vay liên quan (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Vay VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	368.530.000.000	2.054.730.000.000	(1.430.050.000.000)	993.210.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	2,3% - 5,8%	593.210.000.000	368.530.000.000
Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan, một bên liên quan	VND	6,5%	400.000.000.000	-
			993.210.000.000	368.530.000.000

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn, khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Các khoản vay không được đảm bảo từ Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc, một công ty con sở hữu gián tiếp				
▪ Khoản vay 1	6,5%	2023	2.419.754.495.481	2.419.754.495.481
▪ Khoản vay 2	6,5%	2023	692.089.599.955	692.089.599.955
			3.111.844.095.436	3.111.844.095.436

Trong năm, Công ty con đã đồng ý gia hạn thời gian đáo hạn của khoản vay từ năm 2021 đến năm 2023.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(2.355.876.584.519)	3.006.502.900.630
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	1.081.091.480.000	(1.081.091.480.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	108.345.773.741	108.345.773.741
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	3.243.274.470.000	2.119.105.015.149	(2.247.530.810.778)	3.114.848.674.371
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	23.874.000.000	(50.000.000)	-	23.824.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(115.942.960.217)	(115.942.960.217)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	324.327.447	3.243.274.470.000	216.218.299	2.162.182.990.000
Phát hành cổ phiếu theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần	2.387.400	23.874.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	-	108.109.148	1.081.091.480.000
Số dư cuối năm	326.714.847	3.267.148.470.000	324.327.447	3.243.274.470.000

20. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho người lao động (“ESOP”) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Vào tháng 10 năm 2020, Công ty đã phát hành 2.387.400 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên bằng tiền.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	11.323.257.600	7.963.257.600
Từ 2 đến 5 năm	1.372.449.600	8.215.707.200
	12.695.707.200	16.178.964.800

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	451.269	10.379.183.320	259.421	5.995.220.234

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020	2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	10.620.165.390.237	9.778.042.006.810
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	677.326.492.692	558.924.333.396
▪ Hàng bán bị trả lại	19.819.850	779.705.041
▪ Giảm giá hàng bán	-	27.189.703
	677.346.312.542	559.731.228.140
Doanh thu thuần	9.942.819.077.695	9.218.310.778.670

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	9.310.555.410.727	8.619.123.155.578

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	83.063.297.600	330.470.365.973
Thu nhập lãi từ:		
▪ Tiền gửi ngân hàng	25.082.930.285	39.061.096.591
▪ Cho bên thứ ba vay	11.086.438.357	-
▪ Cho các bên liên quan vay	40.278.024.684	5.201.923.292
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	122.174.645	1.586.865.161
	159.632.865.571	376.320.251.017

25. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay từ:		
▪ Ngân hàng	17.822.154.462	3.658.608.738
▪ Các bên liên quan	206.100.742.551	202.269.866.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	406.414.322	180.543.000
Chi phí tài chính khác	58.347.308.566	54.674.525.503
	282.676.619.901	260.783.543.446

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	214.352.142.447	217.356.745.370
Chi phí vận chuyển	83.127.899.781	65.271.731.167
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	78.419.681.323	63.625.071.166
Chi phí thuê hoạt động	14.348.756.400	12.308.647.207
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.181.373.963	905.887.405
Chi phí bán hàng khác	83.044.433.680	95.593.290.614
	474.474.287.594	455.061.372.929

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	107.611.046.335	98.414.911.680
Chi phí thuê hoạt động	11.954.401.215	3.462.406.102
Chi phí dụng cụ văn phòng	3.164.225.685	2.614.986.303
Khấu hao và phân bổ	272.111.504	216.676.302
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.667.668.895)	9.780.987.692
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.505.243.377	36.401.687.293
	150.839.359.221	150.891.655.372

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(115.942.960.217)	108.345.773.741
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(23.188.592.043)	21.669.154.748
Chi phí không được khấu trừ thuế	613.294.180	14.035.255.631
Thu nhập không chịu thuế	(16.612.659.520)	(66.094.073.195)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	39.187.957.383	30.389.662.816
	-	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	545.342.970.030	109.068.594.006	371.990.919.304	74.398.183.861
Lỗi tính thuế	1.464.745.407.395	292.949.081.479	1.652.610.512.586	330.522.102.517
	2.010.088.377.425	402.017.675.485	2.024.601.431.890	404.920.286.378

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2021	Chưa quyết toán	276.539.154.648
2022	Chưa quyết toán	1.028.653.391.004
2024	Chưa quyết toán	136.965.125.553
2025	Chưa quyết toán	22.587.736.190
		1.464.745.407.395

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực trừ chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay vượt mức trần khấu trừ thuế theo quy định thuế hiện hành được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo trong vòng 5 năm tiếp theo. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	150.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	2.323.972.603	-
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Feed		
Thu nhập cổ tức	83.063.297.600	330.470.365.973
Góp vốn chủ sở hữu	4.172.000.000.000	-
Thanh lý khoản đầu tư	4.171.106.422.729	-
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng	263.721.501.140	301.745.535.540
Bán hàng	2.552.421.035	2.998.041.560
Phí thuê kho	540.000.000	874.440.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng	159.081.890.880	137.291.188.830
Bán hàng	385.303.410	1.183.539.730
Phí thuê kho	420.000.000	682.500.000
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Mua hàng	-	182.697.171.940
Bán hàng	-	2.922.754.125
Phí thuê kho	1.440.000.000	360.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng	501.639.210.025	439.799.080.620
Bán hàng	6.921.662.290	5.426.386.340
Phí thuê kho	420.000.000	630.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng	244.889.221.625	196.456.846.575
Bán hàng	126.400.930	327.403.440
Phí thuê kho	420.000.000	614.250.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Mua hàng	1.070.527.974.600	1.010.952.718.473
Bán hàng	969.038.940	2.573.478.745
Góp vốn cổ phần	414.000.000.000	600.000.000.000
Mua khoản đầu tư	1.999.989.111.000	-



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH MNS Meat		
Góp vốn chủ sở hữu	3.000.000	-
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam		
Chuyên giao dự án xây dựng cơ bản dở dang	-	1.635.719.000
Mua hàng	578.931.122	846.194
Cho vay	443.200.000.000	199.800.000.000
Thu hồi khoản cho vay	256.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	18.868.983.577	2.912.961.645
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn”)		
Cho vay	628.250.000.000	265.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	798.700.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	15.300.554.805	909.305.480
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An		
Cho vay	490.000.000.000	120.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	573.900.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	3.767.204.110	1.379.656.167
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Mua hàng	5.324.668.548.615	4.906.132.652.698
Bán hàng	16.698.063.175	21.539.601.240
Chi phí lãi vay	202.824.030.222	202.269.866.205
Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng	2.583.523.250	1.434.374.975
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định		
Mua hàng	1.226.232.894.100	1.114.621.231.432
Bán hàng	1.783.477.065	5.016.077.320
Mua tài sản cố định	114.127.200	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Mua hàng	498.016.643.585	325.215.366.560
Bán hàng	115.531.855	315.468.755
Phí thuê kho	693.000.000	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Bán hàng	5.237.321.000	-
Góp vốn cổ phần	613.000.000.000	-
Cho vay	2.700.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	2.700.000.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin	8.983.588.158	9.981.471.408
Phí hỗ trợ quản lý	513.924.254	365.403.555
Mua hàng	153.616.015	7.211.200
Công ty Cổ phần Bột giặt NET		
Mua hàng	27.683.998	-
Công ty TNHH Tâm nhìn Masan		
Vay	400.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	3.276.712.329	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce		
Mua hàng	502.133.559	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao cho nhân sự quản lý chủ chốt (*)	30.967.976.292	28.442.181.333

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng khoản thù lao trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019.

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	2020
		VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch	-
Ông Phạm Trung Lâm	Thành viên	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-
Ông Neal Leroux Kok	Thành viên	-
Tổng Giám đốc		
Ông Phạm Trung Lâm		5.983.476.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày lập báo cáo như sau:

Các công ty con	31/12/2020
	VND
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang	48.701.275.246
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An	37.515.503.772
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên	22.254.022.666
Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định	17.656.028.973
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	169.375.175.585
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	95.824.630.158
Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An	170.322.923.047

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Mua khoản đầu tư chưa thanh toán	1.999.989.111.000	-
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	50.000.000	-
Phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	-	1.081.091.480.000

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc





MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần	21.000 – 23.000
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty	300 – 700

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

**TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN CHIA CỔ TỨC NĂM 2020
VÀ TẠM ỨNG CỔ TỨC NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 như sau:

1. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 của Công ty như sau:
 - Mức chia cổ tức năm 2020 bằng tiền: 0%.
2. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021. Giao cho Hội đồng Quản trị và cho phép Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, quyết định tỷ lệ tạm ứng cổ tức cụ thể, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

**MASAN MEATLIFE CORPORATION**

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH THAY ĐỔI CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như sau:

Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như sau:

Cơ cấu tổ chức quản lý trước khi thay đổi bao gồm:	Cơ cấu tổ chức quản lý sau khi thay đổi bao gồm:
1. Đại Hội đồng Cổ đông; 2. Hội đồng Quản trị; 3. Ban Kiểm soát; và 4. Tổng Giám đốc.	1. Đại Hội đồng Cổ đông; 2. Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và 3. Tổng Giám đốc.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH THÔNG QUA ĐIỀU LỆ MỚI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Luật Doanh nghiệp 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("**Công ty**") kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Điều lệ mới của Công ty theo bản dự thảo đính kèm Tờ trình này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Ngày ____ tháng ____ năm ____

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác.....	7
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 9. Thu hồi cổ phần	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 11. Quyền của Cổ đông.....	10
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông	11
Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông	12
Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông	14
Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông	16
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	16
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	21
Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.....	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	21
Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị	24
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	25
Điều 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	27
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty	28
CHƯƠNG VIII. ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	29
Điều 32. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	29
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán	29
Điều 34. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán	30
CHƯƠNG IX. TỔNG GIÁM ĐỐC	30
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	30

Điều 36. Tổng Giám Đốc	30
CHƯƠNG X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	31
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	31
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	32
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	33
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn.....	34
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	34
Điều 43. Trả cổ tức	34
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	34
Điều 44. Tài khoản ngân hàng.....	34
Điều 45. Năm tài chính.....	35
Điều 46. Hệ thống kế toán.....	35
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	35
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	35
Điều 48. Báo cáo thường niên	35
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 49. Kiểm toán.....	35
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	36
Điều 50. Dấu của Công ty	36
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ	36
Điều 51. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty	36
Điều 52. Trình tự, thủ tục giải thể	36
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	36
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	37
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	37

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - d. “Luật giao dịch điện tử” là Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - e. “Ngày Thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu - ngày 07 tháng 10 năm 2011.
 - f. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - g. “Người đại diện theo uỷ quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.
 - h. “Người được ủy quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo các hình thức được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - k. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch.
 - l. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do Pháp luật quy định.
 - m. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- o. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán của Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**
 - Tên tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**
 - Tên viết tắt: **MASAN MEATLIFE CORP.**
2. Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật của Việt Nam. Các Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Điện thoại: (84 28) 6256 3862
 - Fax: (84 28) 3827 4115
 - E-mail: ca@msn.masangroup.com
 - Website: <https://www.masanmeatlife.com.vn/>
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b. Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi Pháp luật không cấm.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành lập.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở chính)	1080
2.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm lưu động hoặc tại chợ (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)	4781
3.	Hoạt động tư vấn quản lý - Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật). (CPC: 86509)	7020
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 622)	4620
5.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm. (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 622)	4632
6.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 632)	4773

7.	<p>Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)</p>	4711
8.	<p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: - Bán lẻ thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; - Bán lẻ thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)</p>	4722

- Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà Pháp luật không cấm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

- Vốn điều lệ của Công ty là 3.267.148.470.000 VNĐ (*ba nghìn hai trăm sáu mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 326.714.847 (*ba trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, tám trăm bốn mươi bảy*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ (*mười nghìn đồng*)/cổ phần.
- Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi Cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông quyết định khác.
- Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Pháp luật có liên quan.

7. Hội đồng Quản trị quyết định giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông trong Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - d. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyển đổi khoản vay chuyển đổi, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán do Công ty phát hành có khả năng chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, (ii) thực hiện các quyền chọn mua (bao gồm cả quyền chọn mua dành cho người lao động), quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công ty đã cam kết, hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công ty;
 - e. Các trường hợp khác do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định hoặc Pháp luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và các quy định Pháp luật.
9. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Công ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội đồng Quản trị phê chuẩn, Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.
10. Công ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần dưới hình thức văn bản hoặc hình thức dữ liệu điện tử (sau đây gọi chung là “chứng chỉ cổ phiếu”) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng chỉ cổ phiếu dưới hình thức văn bản phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu dưới hình thức điện tử sẽ tuân theo quy định của Luật giao dịch điện tử và các quy định của Pháp luật liên quan. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được dưới hình thức khác, Cổ đông có thể được Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu, giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ, giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty nếu được phát hành dưới hình thức văn bản.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội đồng Quản trị sẽ gửi thông báo cho Cổ đông đó để yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo phải ghi rõ là trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và thanh toán số tiền lãi như được quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại Hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và

3. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là các đồng chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia, phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp theo hình thức khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật liên quan. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và các quy định Pháp luật;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại Hội đồng Cổ đông có quyết định khác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông đó trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của Cổ đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - g. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của Pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp; và
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng

số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- c. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng Quản trị thông qua và tài liệu liên quan khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; và
 - d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 13. Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tuy nhiên Hội đồng Quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này; và
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 13 nêu trên thì Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - c. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được Công ty thanh toán hoặc hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội đồng Cổ đông như chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thực hiện các công việc được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty;
 - c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - f. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
 - h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
 - i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;

- k. Quyết định giải thể Công ty;
 - l. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Quyết định việc Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch như được quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
 - p. Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
 - q. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; và
 - r. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; và
 - b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của Người có liên quan của Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 15. Người đại diện theo ủy quyền

- 1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được ủy quyền bằng văn bản theo quy định của Pháp luật và nhân danh Cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
- 2. Việc cử Người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% và dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 Người đại diện theo ủy quyền.
 - b. Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 Người đại diện theo ủy quyền.
- 3. Trường hợp Cổ đông là tổ chức ủy quyền cho nhiều Người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả Người đại diện theo ủy quyền.
- 4. Văn bản ủy quyền cho Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử Người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên tổ chức, số đăng ký doanh nghiệp hoặc thành lập hoặc mã số giao dịch chứng khoán, mã số cổ đông và địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;
- b. Số lượng Người đại diện theo ủy quyền, số lượng cổ phần đại diện và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng Người đại diện theo ủy quyền;
- d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày thực hiện đại diện; và
- e. Họ, tên, chữ ký của từng Người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Điều 16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này; và
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Thông báo mời họp, chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để các Cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 16 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ họ tên Người được ủy quyền dự họp, số lượng cổ phần được ủy quyền và các nội dung cần thiết khác theo thông báo của Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
4. Hội đồng Quản trị sẽ ban hành quy chế họp và bỏ phiếu điện tử trong trường hợp tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
2. Trường hợp không có đủ số lượng Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 18 nêu trên trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
3. Trường hợp cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 18 nêu trên trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội đồng Quản trị vào phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông khác do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người trong Hội đồng Quản trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp để Đại Hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử là Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp bầu Chủ tọa nêu trên, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa sẽ đề cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

5. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại Hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội đồng Cổ đông nếu Chủ tọa nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc (b) phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết, hoặc (c) có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19 của Điều lệ này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa tiếp tục điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trước đó tại cuộc họp sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
10. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Các điều khoản 1 đến 10 của Điều 19 này được áp dụng đối với các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tổ chức dưới hình thức họp và bỏ phiếu trực tuyến hoặc điện tử có giá trị như các nghị quyết được thông qua tại các cuộc họp trực tiếp.

Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Đại Hội đồng Cổ đông thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 21 của Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - d. Dự án đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và
 - e. Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 21 của Điều lệ này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức, hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc.
6. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này; hoặc
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng Quản trị có số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều này. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
 - d. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
- c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- g. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
- i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- k. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- l. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- m. Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;
- n. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
- o. Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều 27;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
- q. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
 - s. Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - t. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - v. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
 - w. Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
 - x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị có thể thông qua một nghị quyết để uỷ quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Hội đồng Quản trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 2 Điều 27.

Điều 28. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - f. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên;
 - g. Thực hiện theo uỷ quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị như nêu tại khoản 3 Điều 27; và
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt

hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Họp bầu Chủ tịch: trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
 - d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều 29 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều 29 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được coi là họp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là họp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả ủy quyền.

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 29 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- c. Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: các nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

10. Họp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng Quản trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

- b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của Thư ký Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Thư ký Công ty.
 - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
11. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc là người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 của Điều lệ này.

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

- 1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - g. Trường hợp Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và

- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này; và
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 32. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.

10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban Kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

CHƯƠNG IX TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Tổ chức bộ máy điều hành

Công ty sẽ ban hành một hệ thống điều hành mà theo đó bộ máy điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám đốc, một Giám đốc Tài chính và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm.

Điều 36. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;

- b. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều lệ này;
 - c. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này;
 - d. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - e. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG X NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 39. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 3939 và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 3939 và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12

tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc

- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch cho Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc khi lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều 39 này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính, và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt hoặc các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc có quyền kiểm tra danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và

ng nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43. Trả cổ tức

1. Đại Hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức.
3. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành theo thông lệ hoặc theo quy định của Pháp luật nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết cổ phiếu.
4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 46. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của Pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định Pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, Công ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Theo quyết định của Hội đồng Quản trị, kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến Đại Hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 50. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty.
3. Việc quản lý và lưu giữ dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện sẽ được thực hiện theo quy định Quy chế về quản lý và lưu giữ dấu do Tổng Giám đốc ban hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ

Điều 51. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể theo một trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty sẽ tuân thủ các điều kiện do Pháp luật quy định.

Điều 52. Trình tự, thủ tục giải thể

Việc giải thể Công ty sẽ tuân theo trình tự, thủ tục do Pháp luật quy định.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật doanh nghiệp hoặc các quy định Pháp luật khác, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay Người quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Cổ đông có quyền chỉ định một chuyên gia độc lập đề hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài sẽ được thanh toán theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại Hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này có hiệu lực từ ngày ký.
2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế bản Điều lệ và các phụ lục sửa đổi Điều lệ trước đây.

[trang ký tiếp theo]

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

DANNY LE

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Luật Chứng khoán 2019 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) và được hướng dẫn thi hành bởi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo bản dự thảo đính kèm Tờ trình này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

DỰ THẢO



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Ngày tháng năm

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Các định nghĩa	4
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông	5
Điều 4. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông	6
Điều 5. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông	7
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông	7
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông	8
Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông	8
Điều 9. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	10
Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 11. Công bố biên bản họp (biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.....	11
Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại Hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử	11
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	12
Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.....	13
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị.....	14
Điều 16. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị	14
Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	14
Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....	14
Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	15
Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị.....	15
Điều 21. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị.....	15
Điều 22. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	16
Điều 23. Biên bản họp Hội đồng Quản trị	18
Điều 24. Thành phần Ủy ban Kiểm toán	19
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán	19
Điều 26. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.....	20
Điều 27. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty	20
CHƯƠNG IV. TỔNG GIÁM ĐỐC	21

Điều 28. Tổng Giám đốc.....	21
CHƯƠNG V. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	22
Điều 29. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc.....	22
Điều 30. Triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị của Tổng Giám đốc	22
Điều 31. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị.....	23
Điều 32. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.....	23
Điều 33. Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc	23
CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	23
Điều 34. Hiệu lực của Quy chế Quản trị.....	23
Điều 35. Tổ chức thực hiện	24

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty này của Công ty Cổ phần Masan MEATLife quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại Hội đồng Cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành khác của Pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế nội bộ về quản trị công ty này được áp dụng cho Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những cá nhân, tổ chức liên quan khác.

Điều 2. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế Quản trị này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - b. “Công ty” là Công ty Cổ phần Masan MEATLife.
 - c. “Điều lệ” là bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Masan MEATLife được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày/...../2021.
 - d. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - e. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - f. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - g. “Người đại diện theo uỷ quyền” là người được Cổ đông là tổ chức uỷ quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.
 - h. “Người được uỷ quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức, uỷ quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo các hình thức được quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - k. “Quy chế Quản trị” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty này.

- l. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch.
 - m. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do Pháp luật quy định.
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Quy chế Quản trị này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế Quản trị này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế Quản trị này.
 4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại Hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty;
 - c. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - e. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - f. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
 - h. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
 - i. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
 - k. Quyết định giải thể Công ty;
 - l. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Quyết định việc Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch như được quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ;

- p. Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
- q. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; và
- r. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ.

Điều 4. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông, chương trình và nội dung họp, và mời họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ.
2. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ; và
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được gửi chậm nhất là hai mươi một ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Thông báo mời họp, chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông và dự thảo nghị quyết được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp sẽ nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty để các Cổ đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 **Error! Reference source not found.** của Điều lệ có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 4 này thì chậm nhất là hai ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng

Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 4 này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 4 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 4 này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 5. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền dự họp, hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ họ tên Người được ủy quyền dự họp, số lượng cổ phần được ủy quyền và các nội dung cần thiết khác theo thông báo của Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi Người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại Hội đồng Cổ đông:
 - a. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - b. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo giấy tờ được quy định tại giấy mời họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc thông báo của Công ty để xác nhận tư cách Cổ đông.
 - c. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông để cho Cổ đông đến muộn

đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông:

- a. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
- b. Trường hợp không có đủ số lượng Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại điểm a khoản này trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tham dự.
- c. Trường hợp cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Cổ đông dự họp cần thiết theo quy định tại điểm b khoản này trong vòng một trăm hai mươi phút kể từ thời điểm dự kiến khai mạc cuộc họp, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông tham dự và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cách thức bỏ phiếu

- a. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đó.
- b. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội đồng Quản trị vào phiếu biểu quyết.

2. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu:

- a. Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- b. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề ngay tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất.

3. Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông: việc thông qua các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ. Chủ tọa cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông công bố nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông sau khi kết quả kiểm phiếu được báo cáo tại Đại Hội đồng Cổ đông và trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức, hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Người đại diện ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 9. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông kết thúc.
6. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ; hoặc
2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ.

Điều 11. Công bố biên bản họp (biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông

Biên bản họp (hoặc biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản) và nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại Hội đồng Cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử

1. Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc điện tử có kèm theo hoặc không kèm theo bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng Quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.
2. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức họp và biểu quyết cho đại hội này chậm nhất là hai mươi một (21) trước ngày khai mạc đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

- a. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này;
- b. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để Cổ Đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;
- c. Quy định về cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu; và
- d. Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông dưới hình thức như được quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
 - e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
 - g. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
 - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
 - j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - k. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - l. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

- m. Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;
 - n. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 39 của Điều lệ;
 - o. Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều này;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ;
 - q. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
 - s. Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - t. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
 - v. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
 - w. Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
 - x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị có thể thông qua một nghị quyết để ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Hội đồng Quản trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng Quản trị có số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định của Pháp luật liên quan.

Điều 16. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều này. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.
2. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo mẫu của Công ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty; bản sao CMND, căn cước công dân hoặc hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty và Pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được gửi cho Công ty theo thông báo liên quan.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều 18. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công ty và được chấp thuận;

- c. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
 - d. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 20. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng Quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên theo Điều này phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của Pháp luật và phụ thuộc vào thông tin của ứng cử viên đã có sẵn hay chưa.

Điều 21. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - f. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên;
 - g. Thực hiện theo uỷ quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị như nêu tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ; và
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
 4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 22. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Họp bầu Chủ tịch: trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc
 - d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những

thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được coi là hợp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả uỷ quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả uỷ quyền.

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
9. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 29 của Điều lệ, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - c. Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: các nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu

quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

10. Họp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng Quản trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của Thư ký Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Thư ký Công ty.
 - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
11. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc là người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 của Điều lệ.

Điều 23. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Chương trình và nội dung họp;

- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - g. Trường hợp Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 24. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.

2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 26. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban Kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban Kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban Kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
2. Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

Điều 27. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

1. Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một người làm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ; và
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

CHƯƠNG IV. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 28. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị Pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 1% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều lệ;
 - c. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc

thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Điều lệ;

- d. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - e. Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG V. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 29. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách và Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện các quyết định được Hội đồng Quản trị thông qua.
2. Tổng Giám đốc phân công người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai các dự án của Công ty để trình Hội đồng Quản trị.
3. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị để Hội đồng Quản trị điều chỉnh phù hợp.
4. Tổng Giám đốc có thể được mời tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương, chính sách của Hội đồng Quản trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị thiết lập cơ chế thanh tra, kiểm tra nhằm kiểm soát Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các chiến lược, chính sách và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Xử lý các tình huống khẩn cấp mà vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ; và
 - b. Các trường hợp khác mà Tổng Giám đốc thấy cần thiết.
2. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ.

Điều 31. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị

1. Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo cho Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao được tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng Quản trị bao gồm những nội dung sau:
 - a. Kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các công việc khác được Hội đồng Quản trị ủy quyền;
 - b. Tình hình triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt và ngân sách liên quan;
 - c. Kết quả hoạt động kinh doanh, đầu tư và kết quả tài chính định kỳ;
 - d. Sự tuân thủ của Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty đối với các quy định của Pháp luật, các quy chế nội bộ của Công ty, quản trị rủi ro;
 - e. Các dự kiến kế hoạch kinh doanh, giao dịch đầu tư quan trọng; và
 - f. Các nội dung cụ thể khác theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.

Điều 32. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các cuộc họp có Tổng Giám đốc tham gia.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm phản hồi các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ trong thời hạn được quy định tại thư lấy ý kiến liên quan, trừ trường hợp Điều lệ có quy định một thời hạn trả lời khác.
3. Căn cứ vào các báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc và các thông tin do Tổng Giám đốc cung cấp theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán của Công ty có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và có thể gây thiệt hại cho Công ty, Ủy ban Kiểm toán có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám đốc để yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó.

Điều 33. Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xây dựng các tiêu chuẩn và đánh giá hoạt động đối với Tổng Giám đốc. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động được xây dựng thận trọng trên cơ sở cân bằng giữa lợi ích của Tổng Giám đốc với lợi ích lâu dài của Cổ đông và Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện đánh giá Tổng Giám đốc dựa trên các nhóm tiêu chí chính sau:
 - a. Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - b. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc; và
 - c. Năng lực chuyên môn, khả năng lãnh đạo của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực của Quy chế Quản trị

Quy chế Quản trị này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế (các) quy chế nội bộ về quản trị

công ty của Công ty được ban hành trước đây.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế Quản trị này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Luật Chứng khoán 2019 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) và được hướng dẫn thi hành bởi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo bản dự thảo đính kèm Tờ trình này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

DỰ THẢO



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

Ngày tháng năm

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Các định nghĩa	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị.....	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 8. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	5
Điều 9. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 10. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....	6
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.....	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	7
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	9
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường	9
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 16. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị	10
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	12
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	14
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN	14
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị.....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Điều hành.....	15
Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 24. Hiệu lực thi hành	15
Điều 25. Tổ chức thực hiện	15

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị này của Công ty Cổ phần Masan MEATLife quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của Pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 2. Các định nghĩa

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - b. “Công ty” là Công ty Cổ phần Masan MEATLife.
 - c. “Điều lệ” là bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Masan MEATLife được thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày/...../2021.
 - d. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - e. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).
 - f. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - g. “Người đại diện theo uỷ quyền” là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật.
 - h. “Người được ủy quyền dự họp” là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo các hình thức được quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.
 - i. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
 - j. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) và các luật, các quy định có hiệu lực như luật thành văn hoặc không thành văn đang có hiệu lực tại nơi Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch, bao gồm cả các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - k. “Quy chế” là Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị này.
1. “Sở Giao dịch Chứng khoán” là sở giao dịch chứng khoán mà Công ty niêm yết hoặc đăng ký cổ phiếu để giao dịch.

- m. “Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị” là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện về thành viên độc lập do Pháp luật quy định.
 - n. “Việt Nam” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
 4. “Người” sẽ bao gồm cá nhân và tổ chức.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng Cổ đông, trước Pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Pháp luật liên quan và Điều lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các phòng ban trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ Đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của Pháp luật.

- Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

- Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- Những người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng Quản trị có số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

- Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định của Pháp luật liên quan.

Điều 8. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị bầu một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ tịch từ các thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông;

- f. Đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên;
 - g. Thực hiện theo uỷ quyền một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị như nêu tại khoản 3 Điều 13; và
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
 4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 9. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều này. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.
2. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị cơ bản gồm: đơn đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo mẫu của Công ty; sơ yếu lý lịch, thông tin cần thiết do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Công ty; bản sao CMND, căn cước công dân hoặc hộ chiếu có công chứng của ứng cử viên; và các tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty và Pháp luật có liên quan. Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được gửi cho Công ty theo thông báo liên quan.

Điều 10. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị, và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ hoặc bị Pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng Quản trị;

- b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; và
 - d. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của Pháp luật;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

Tất cả các thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
 - c. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
 - e. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
 - g. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;

- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
- i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- k. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- l. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- m. Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;
- n. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 39 của Điều lệ;
- o. Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều này;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 1% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 39 của Điều lệ;
- q. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- s. Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
- t. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
- v. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
- w. Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
- x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị có thể thông qua một nghị quyết để ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Hội đồng Quản trị ra quyết định hoặc thực hiện một hoặc một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và Người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 **Error! Reference source not found.**14 và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; hoặc
 - b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ; và

- d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
2. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường:
- Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 của Điều lệ.
3. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Dự thảo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ; và
 - Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

- Họp bầu Chủ tịch: trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
- Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, quyết định thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - Có đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng Quản trị; hoặc

d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị quy định tại Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Số thành viên tham dự tối thiểu: các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được coi là họp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả uỷ quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là họp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, bao gồm cả uỷ quyền.

Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, họp qua điện thoại, hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều 29 của Điều lệ, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền dự họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - c. Biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán: các nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị sẽ được thông qua khi được các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành theo nguyên tắc đa số quá bán (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
10. Hợp và ban hành nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng Quản trị có thể tổ chức một cuộc họp và thông qua tất cả các nghị quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.

Việc họp và lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội đồng Quản trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị được lấy ý kiến.
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu cùng với sự trợ giúp của Thư ký Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua, và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Thư ký Công ty.
 - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
11. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc là người được thành viên Hội đồng Quản trị ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 của Điều lệ.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
 - g. Trường hợp Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết hoặc quyết định thuộc thẩm quyền, kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại Hội đồng Cổ đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
2. Các báo cáo quy định tại các Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN ĐIỀU HÀNH VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng Quản trị với Ủy ban Kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION
10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Phone: +84 28 6256 3862
Facsimile: +84 28 3827 4115
Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

Số: 01/2021/TB-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

(Về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định 155**”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife xin trân trọng thông báo tới toàn thể cổ đông về việc đề cử, ứng cử các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 và sẽ được bầu tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

I. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị dự kiến được bầu

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị dự kiến được bầu: 05 thành viên.

II. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Các cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản

lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.

III. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

Căn cứ Điều 24.2 Điều lệ Công ty và Điều 115 Luật Doanh nghiệp, cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Mục II Thông báo này đều có quyền tham gia ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

2. Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

Căn cứ Điều 24.2 Điều lệ Công ty và Điều 115 Luật Doanh nghiệp, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có quyền đề cử thành viên Hội đồng Quản trị. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có thể tập hợp phiếu bầu với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Việc đề cử thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3. Đề cử bổ sung ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị

Trường hợp số lượng các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng cử viên.

IV. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

Để việc tổ chức bầu cử được thuận lợi, các cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife nhiệm kỳ

2021 – 2026 gửi hồ sơ ứng cử, đề cử về địa chỉ của Công ty **trước 17 giờ ngày 25/03/2021**, cụ thể:

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Địa chỉ : Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người nhận : Ông Đặng Ngọc Cả

Điện thoại : +84 28 6256 3862 (Ext. 5202)

Fax : +84 28 3827 4115

Email : ca@msn.masangroup.com

Hồ sơ ứng cử, đề cử bao gồm:

- Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị (theo mẫu trên Website Công ty);
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu trên Website Công ty);
- Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng và chứng chỉ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
(Nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”)

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCN ĐKDN/Giấy phép thành lập số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ:

Người đại diện hợp pháp:

Số cổ phần phổ thông nắm giữ là: cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.

Căn cứ Thông báo số 01/2021/TB-HĐQT ngày 11/03/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 và quy định pháp luật hiện hành, chúng tôi đồng ý đề cử:

Ông/Bà:

Sinh ngày:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú:

Tham gia ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty. (*)

(Đính kèm theo đây là Sơ yếu lý lịch và văn bằng, tài liệu liên quan của người được đề cử)

Chúng tôi cam kết Ông/Bà đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện trở thành thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện đề cử thành viên Hội đồng Quản trị và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Ngày ... tháng ... năm 2021

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

(*) Trường hợp cổ đông được quyền đề cử nhiều hơn 01 ứng viên cho chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, đề nghị cổ đông ghi thêm thông tin tương ứng của từng ứng viên cho chức danh thành viên Hội đồng Quản trị.

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
(Nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”)

Họ tên người ứng cử: Sinh ngày:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:
Cấp ngày: tại
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Số cổ phần phổ thông nắm giữ là: cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.

Căn cứ Thông báo số 01/2021/TB-HĐQT ngày 11/03/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 và quy định pháp luật hiện hành, tôi xét thấy đủ điều kiện để được ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Vì vậy, tôi làm Đơn này kèm Sơ yếu lý lịch và văn bằng, tài liệu liên quan gửi Ban Tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 để đăng ký ứng cử bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Tôi cam kết đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý của các thông tin cá nhân và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Trân trọng,

Ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

1. Họ và tên: [■]
2. Giới tính: [■]
3. CMND/CCCD/Hộ chiếu số: [■] Ngày cấp: [■] Nơi cấp: [■]
4. Ngày tháng năm sinh: [■]
5. Nơi sinh: [■]
6. Quốc tịch: [■]
7. Hộ khẩu thường trú: [■]
8. Địa chỉ liên hệ: [■]
9. Trình độ chuyên môn: [■]
10. Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ năm [■] đến năm [■]	[■]	[■]
Từ năm [■] đến năm [■]	[■]	[■]
Từ năm [■] đến năm [■]	[■]	[■]
Từ năm [■] đến năm [■]	[■]	[■]
Từ năm [■] đến năm [■]	[■]	[■]
Từ năm [■] đến năm [■]	[■]	[■]

11. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	[■]	[■]
2	[■]	[■]
3	[■]	[■]

12. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: [■] cổ phần, chiếm [■]% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

II. Về quan hệ gia đình: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
[■]	[■]	[■]	[■]
[■]	[■]	[■]	[■]
[■]	[■]	[■]	[■]
[■]	[■]	[■]	[■]
[■]	[■]	[■]	[■]
[■]	[■]	[■]	[■]
[■]	[■]	[■]	[■]

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

Số: 02/2021/TB-MML

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
(Về kết quả đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026)

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm;
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị; và
- Căn cứ Thông báo số 01/2021/TB-HĐQT ngày 11/03/2021 của Hội đồng Quản trị về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 được đăng tải trên website của Công ty (“**Thông báo 01**”).

Công ty Cổ phần Masan MEATLife xin trân trọng thông báo tới toàn thể cổ đông về kết quả ứng cử, đề cử các ứng cử viên Hội đồng Quản trị đề bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

Theo Thông báo 01, Công ty đã nhận được hồ sơ đề cử của cổ đông đủ tiêu chuẩn để đề cử các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị để bầu cho nhiệm kỳ 2021 – 2026; theo đó, các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị để bầu cho nhiệm kỳ 2021 – 2026 được đề cử như sau:

1. Ông Danny Le;
2. Ông Phạm Trung Lâm;
3. Ông Neal Leroux Kok;
4. Ông Trần Phương Bắc; và
5. Ông Huỳnh Việt Thăng.

Đính kèm: Sơ yếu lý lịch của các ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Công ty xin thông báo để các quý cổ đông được biết.

Trân trọng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

- Họ và tên: **DANNY LE**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1984
- Nơi sinh: Việt Nam
- Quốc tịch: Mỹ
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân, Cao đẳng Bowdoin
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 2006 đến 2010	Morgan Stanley	Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Analyst, Investment Banking Division)
Từ 2010 đến 2020	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Giám đốc Chiến lược và Phát triển (Head of Strategy & Development)
Từ 2020 đến nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Tổng Giám đốc
Từ 2017 đến nay	Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
2	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
3	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
4	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
5	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
6	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Masan Brewery
7	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
8	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Masan Blue
9	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam
10	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH The Sherpa
11	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần The CrownX

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

II. Về quan hệ gia đình: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Thuy Bich Bui	Mẹ		
Thai Bao	Cha		
Nguyễn Thành Lập	Cha vợ		
Nguyễn Cửu Thị Kim Chi	Mẹ vợ		
Nguyễn Thị Mỹ Anh	Vợ		
Anthony Le	Em		
Le Thái Tùng Mason	Con		
Le Thành	Con		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

DANNY LE

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

- Họ và tên: **PHẠM TRUNG LÂM**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1973
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 1995 đến 2001	Unilever Việt Nam	Giám đốc Kinh doanh miền Trung
Từ 2001 đến 2005	Nestlé Việt Nam	Giám đốc Kinh doanh Kênh Siêu thị
Từ 2005 đến 2011	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Từ 2011 đến 2014	Vietbev	Tổng Giám đốc
Từ 2014 đến nay	Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
2	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty TNHH MNS Meat
3	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An
4	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam
5	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn
6	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty TNHH MNS Feed
7	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
8	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định
9	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
10	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
11	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
12	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Con cò Bình Định
13	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên
14	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai
15	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang
16	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long
17	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An
18	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang
19	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên
20	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần 3F Việt

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **2.201.020** cổ phần, chiếm **0,67%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

- II. Về quan hệ gia đình:** (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Trần Thị Kim Loan	Mẹ		
Lương Tuyết Nga	Vợ		
Phạm Hùng Việt	Con		
Phạm Hùng Anh	Con		
Phạm Bích Chi	Chị		
Phạm Trung Phong	Anh		
Phạm Bích Sơn	Chị		
Phạm Bích Lan	Em		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

PHẠM TRUNG LÂM

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CURRICULUM VITAE

I. Về bản thân / *Personal information:*

1. Họ và tên / *Full name:* **NEAL LEROUX KOK**
2. Giới tính / *Gender:* Nam / *Male*
3. Ngày tháng năm sinh / *Date of birth:* 1986
4. Nơi sinh / *Place of birth:* Harare
5. Quốc tịch / *Nationality:* Úc / *Australian*
6. Trình độ chuyên môn / *Professional degree:* Cử nhân Luật, Cử nhân Thương mại / *Bachelor of Laws, Bachelor of Commerce*
7. Quá trình công tác / *Working history:*

Năm <i>Year</i>	Nơi học tập, làm việc <i>Working place</i>	Chức danh <i>Position</i>
Từ 9/2014 đến nay <i>From September 2014 to present</i>	KKR Singapore	Director
Từ 6/2013 đến 8/2014 <i>From June 2013 to August 2014</i>	Treadstone Partners (Sydney)	Associate
Từ 2/2011 đến 5/2013 <i>From February 2011 to May 2013</i>	Goldman Sachs Australia (Sydney)	Analyst

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan) / *Current positions (including member of the Board of Directors, other management positions) in organizations, companies (specify the positions and relevant organizations, companies):*

Stt <i>No.</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Tên công ty, tổ chức <i>Organizations, companies</i>
1	Giám đốc <i>Director</i>	KKR Singapore
2	Thành viên Hội đồng Quản trị <i>Member of the Board of Directors</i>	Công ty Cổ phần Masan MEATLife <i>Masan MEATLife Corporation</i>

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife / *Related interest with Masan MEATLife Corporation (MML): number of MML shares personally held: 0 shares, accounting for 0% of the charter capital of Masan MEATLife Corporation.*

II. Về quan hệ gia đình / *Family relationships*: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) / (including natural father, natural mother, adoptive father, adoptive mother, father in law, mother in law, spouse, child, adopted child, daughter in law, son in law, siblings, brother in law, sister in law)

Họ tên <i>Full name</i>	Quan hệ <i>Relationship</i>	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No.,</i> <i>date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>
Ettiene Leroux Kok	Cha <i>Father</i>		
Caroline Milner	Mẹ <i>Mother</i>		
Jessica Kok	Em gái <i>Younger sister</i>		

Tôi cam kết / *I undertake that:*

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;

I will be responsible for the accuracy, truthfulness and suitability of the personal information declared above;

- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;

I do not violate regulations on nomination or self-nomination for membership of the Board of Directors in accordance with the Charter of Masan MEATLife Corporation and current legal regulations;

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

I will perform my duties with integrity, loyalty, prudence and for the best interests of Masan MEATLife Corporation upon being elected to be a member of the Board of Directors.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021 / 25 March 2021

NGƯỜI KHAI / DECLARED BY

(Ký và ghi rõ họ tên / Sign and write full name)

(Đã ký / Signed)

NEAL LEROUX KOK

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

1. Họ và tên: **TRẦN PHƯƠNG BẮC**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 1974
4. Nơi sinh: Trà Vinh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Trình độ chuyên môn: Luật sư, Thạc sĩ Luật
7. Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 1996 đến 2000	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Giảng viên
Từ 2000 đến 2006	Công ty Unilever Việt Nam	Luật sư
Từ 2006 đến 2009	Công ty Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam	Luật sư
Từ 2009 đến 2013	Công ty Luật Hợp danh Luật Việt	Luật sư
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Luật sư

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
2	Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100%	Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Chứng khoán
3	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
4	Giám đốc	Công ty TNHH MNS Meat
5	Giám đốc	Masan Consumer (Thailand) Limited
6	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH MNS Feed
7	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
8	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Farm
9	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn
10	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Meat Processing
11	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Masan Blue
12	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH The Sherpa
13	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
14	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce
15	Người được UQ CBTT, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **900** cổ phần, chiếm **0,00027%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

II. Về quan hệ gia đình: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Nguyễn Thị Mai Tuyên	Mẹ		
Nguyễn Duy Nhạ	Bố vợ		
Nguyễn Thị Nhài	Mẹ vợ		
Trần Phương Nam	Anh		
Trần Thị Hoàng Dung	Em		
Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Vợ		
Phạm Nhật Minh	Con		
Trần Nhật Minh	Con		
Vũ Nguyễn Thu Thảo	Chị dâu		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

TRẦN PHƯƠNG BẮC

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

1. Họ và tên: **HUỖNH VIỆT THẮNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 1973
4. Nơi sinh: Quảng Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
7. Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 1991 đến 1995	Đại học Tài chính Kế toán	Sinh viên
Từ 1995 đến 1999	Saigon Shipyard	Kế toán Tổng hợp
Từ 1999 đến 2007	Coca-Cola Vietnam	Financial Controller
Từ 2007 đến 2009	Unilever Vietnam	Finance Manager
Từ 2009 đến 2013	Café Outspan Viet Nam	Financial Controller
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Giám đốc Tài chính

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
2	Giám đốc Tài chính	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
3	Giám đốc Tài chính	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
4	Giám đốc Tài chính	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
5	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Bột giặt NET

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

- ### II. Về quan hệ gia đình: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Huỳnh Nhuận	Cha		
Nguyễn Thị Tích	Mẹ		
Thái Yến Nhung	Vợ		
Huỳnh Yến Nhi	Con		
Huỳnh Chí Khang	Con		
Huỳnh Thị Trà My	Chị		
Huỳnh Thị Quỳnh Mai	Em		
Nguyễn Xuân Đào	Anh rể		
Bùi Văn Thịnh	Em rể		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

HUỲNH VIỆT THẮNG

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

- Họ và tên: **DANNY LE**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1984
- Nơi sinh: Việt Nam
- Quốc tịch: Mỹ
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân, Cao đẳng Bowdoin
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 2006 đến 2010	Morgan Stanley	Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Analyst, Investment Banking Division)
Từ 2010 đến 2020	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Giám đốc Chiến lược và Phát triển (Head of Strategy & Development)
Từ 2020 đến nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Tổng Giám đốc
Từ 2017 đến nay	Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
2	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
3	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
4	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
5	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
6	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Masan Brewery
7	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
8	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Masan Blue
9	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Blue Tek Việt Nam
10	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH The Sherpa
11	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần The CrownX

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

II. **Về quan hệ gia đình:** (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Thuy Bich Bui	Mẹ		
Thai Bao	Cha		
Nguyễn Thành Lập	Cha vợ		
Nguyễn Cửu Thị Kim Chi	Mẹ vợ		
Nguyễn Thị Mỹ Anh	Vợ		
Anthony Le	Em		
Le Thái Tùng Mason	Con		
Le Thành	Con		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

DANNY LE

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

1. Họ và tên: **PHẠM TRUNG LÂM**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 1973
4. Nơi sinh: Tiền Giang
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
7. Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 1995 đến 2001	Unilever Việt Nam	Giám đốc Kinh doanh miền Trung
Từ 2001 đến 2005	Nestlé Việt Nam	Giám đốc Kinh doanh Kênh Siêu thị
Từ 2005 đến 2011	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Từ 2011 đến 2014	Vietbev	Tổng Giám đốc
Từ 2014 đến nay	Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
2	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty TNHH MNS Meat
3	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An
4	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam
5	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn
6	Chủ tịch Hội đồng Thành viên	Công ty TNHH MNS Feed
7	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
8	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định
9	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
10	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
11	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
12	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Con cò Bình Định
13	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên
14	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai
15	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang
16	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long
17	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An
18	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang
19	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên
20	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần 3F Việt

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **2.201.020** cổ phần, chiếm **0,67%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

- II. **Về quan hệ gia đình:** (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Trần Thị Kim Loan	Mẹ		
Lương Tuyết Nga	Vợ		
Phạm Hùng Việt	Con		
Phạm Hùng Anh	Con		
Phạm Bích Chi	Chị		
Phạm Trung Phong	Anh		
Phạm Bích Sơn	Chị		
Phạm Bích Lan	Em		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

PHẠM TRUNG LÂM

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CURRICULUM VITAE

I. Về bản thân / *Personal information:*

1. Họ và tên / *Full name:* **NEAL LEROUX KOK**
2. Giới tính / *Gender:* Nam / *Male*
3. Ngày tháng năm sinh / *Date of birth:* 1986
4. Nơi sinh / *Place of birth:* Harare
5. Quốc tịch / *Nationality:* Úc / *Australian*
6. Trình độ chuyên môn / *Professional degree:* Cử nhân Luật, Cử nhân Thương mại / *Bachelor of Laws, Bachelor of Commerce*
7. Quá trình công tác / *Working history:*

Năm <i>Year</i>	Nơi học tập, làm việc <i>Working place</i>	Chức danh <i>Position</i>
Từ 9/2014 đến nay <i>From September 2014 to present</i>	KKR Singapore	Director
Từ 6/2013 đến 8/2014 <i>From June 2013 to August 2014</i>	Treadstone Partners (Sydney)	Associate
Từ 2/2011 đến 5/2013 <i>From February 2011 to May 2013</i>	Goldman Sachs Australia (Sydney)	Analyst

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan) / *Current positions (including member of the Board of Directors, other management positions) in organizations, companies (specify the positions and relevant organizations, companies):*

Stt <i>No.</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Tên công ty, tổ chức <i>Organizations, companies</i>
1	Giám đốc <i>Director</i>	KKR Singapore
2	Thành viên Hội đồng Quản trị <i>Member of the Board of Directors</i>	Công ty Cổ phần Masan MEATLife <i>Masan MEATLife Corporation</i>

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife / *Related interest with Masan MEATLife Corporation (MML): number of MML shares personally held: 0 shares, accounting for 0% of the charter capital of Masan MEATLife Corporation.*

II. Về quan hệ gia đình / *Family relationships*: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) / (including natural father, natural mother, adoptive father, adoptive mother, father in law, mother in law, spouse, child, adopted child, daughter in law, son in law, siblings, brother in law, sister in law)

Họ tên <i>Full name</i>	Quan hệ <i>Relationship</i>	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No.,</i> <i>date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>
Ettiene Leroux Kok	Cha <i>Father</i>		
Caroline Milner	Mẹ <i>Mother</i>		
Jessica Kok	Em gái <i>Younger sister</i>		

Tôi cam kết / *I undertake that:*

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;

I will be responsible for the accuracy, truthfulness and suitability of the personal information declared above;

- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;

I do not violate regulations on nomination or self-nomination for membership of the Board of Directors in accordance with the Charter of Masan MEATLife Corporation and current legal regulations;

- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

I will perform my duties with integrity, loyalty, prudence and for the best interests of Masan MEATLife Corporation upon being elected to be a member of the Board of Directors.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021 / 25 March 2021

NGƯỜI KHAI / DECLARED BY

(Ký và ghi rõ họ tên / Sign and write full name)

(Đã ký / Signed)

NEAL LEROUX KOK

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

1. Họ và tên: **TRẦN PHƯƠNG BẮC**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 1974
4. Nơi sinh: Trà Vinh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Trình độ chuyên môn: Luật sư, Thạc sĩ Luật
7. Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 1996 đến 2000	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	Giảng viên
Từ 2000 đến 2006	Công ty Unilever Việt Nam	Luật sư
Từ 2006 đến 2009	Công ty Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam	Luật sư
Từ 2009 đến 2013	Công ty Luật Hợp danh Luật Việt	Luật sư
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Luật sư

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
2	Công ty do ông Trần Phương Bắc sở hữu 100%	Công ty Luật TNHH MTV Tư vấn Đầu tư và Chứng khoán
3	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
4	Giám đốc	Công ty TNHH MNS Meat
5	Giám đốc	Masan Consumer (Thailand) Limited
6	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH MNS Feed
7	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
8	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Farm
9	Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn
10	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MNS Meat Processing
11	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Masan Blue
12	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH The Sherpa
13	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
14	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VinCommerce
15	Người được UQ CBTT, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **900** cổ phần, chiếm **0,00027%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

II. Về quan hệ gia đình: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Nguyễn Thị Mai Tuyên	Mẹ		
Nguyễn Duy Nhạ	Bố vợ		
Nguyễn Thị Nhài	Mẹ vợ		
Trần Phương Nam	Anh		
Trần Thị Hoàng Dung	Em		
Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Vợ		
Phạm Nhật Minh	Con		
Trần Nhật Minh	Con		
Vũ Nguyễn Thu Thảo	Chị dâu		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

TRẦN PHƯƠNG BẮC

SƠ YẾU LÝ LỊCH

I. Về bản thân:

1. Họ và tên: **HUỖNH VIỆT THẮNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 1973
4. Nơi sinh: Quảng Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
7. Quá trình công tác:

Năm	Nơi học tập, làm việc	Chức danh
Từ 1991 đến 1995	Đại học Tài chính Kế toán	Sinh viên
Từ 1995 đến 1999	Saigon Shipyard	Kế toán Tổng hợp
Từ 1999 đến 2007	Coca-Cola Vietnam	Financial Controller
Từ 2007 đến 2009	Unilever Vietnam	Finance Manager
Từ 2009 đến 2013	Café Outspan Viet Nam	Financial Controller
Từ 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Giám đốc Tài chính

8. Chức vụ (bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác) hiện nay đang nắm tại các công ty, tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty, tổ chức liên quan):

Stt	Chức vụ	Tên công ty, tổ chức
1	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
2	Giám đốc Tài chính	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
3	Giám đốc Tài chính	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
4	Giám đốc Tài chính	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
5	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Bột giặt NET

9. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Masan MEATLife (MML): số lượng cổ phần MML nắm giữ cá nhân: **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

- ### II. Về quan hệ gia đình: (bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu)

Họ tên	Quan hệ	CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
Huỳnh Nhuận	Cha		
Nguyễn Thị Tích	Mẹ		
Thái Yên Nhung	Vợ		
Huỳnh Yến Nhi	Con		
Huỳnh Chí Khang	Con		
Huỳnh Thị Trà My	Chị		
Huỳnh Thị Quỳnh Mai	Em		
Nguyễn Xuân Đào	Anh rể		
Bùi Văn Thịnh	Em rể		

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife và pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty Cổ phần Masan MEATLife nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày 25 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Đã ký)

HUỲNH VIỆT THẮNG



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

**TỜ TRÌNH THÙ LAO VÀ NGÂN SÁCH CHO CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua thù lao và ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021 như sau:

Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2021 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2021 là không quá 1 tỷ VNĐ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN MỚI THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

Thông qua phương án phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

1. Phương án phát hành:

- Mục đích phát hành: phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, các công ty con và công ty liên kết nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con và công ty liên kết trong năm qua.
- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Thời điểm phát hành dự kiến: giao cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm phát hành cổ phần ESOP trong năm 2021, và có thể phát hành trước khi Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 như nêu tại *Tờ trình phương án chia cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021*.
- Phương thức phát hành: phát hành trực tiếp cho người lao động của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
- Giá phát hành: giá phát hành cổ phần theo chương trình ESOP bằng mệnh giá mỗi cổ phần, tức bằng 10.000 đồng/cổ phần.
- Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết được quyền tham gia phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phê duyệt theo mục 5 dưới đây.

- Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- 2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành.
- 3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành.
- 4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 5. Giao Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
 - ban hành quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
 - quyết định tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình; số lượng cổ phiếu phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện;
 - thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để phong tỏa tạm thời tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài hoặc thực hiện các phương án khác trước khi phát hành cổ phần cho người lao động trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (nếu có);
 - sửa đổi Điều lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành;
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
 - quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI BÊN LIÊN QUAN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan:

1. Nhằm tăng cường sự hiệp lực dựa trên nền tảng vận hành của toàn Tập đoàn Masan, bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, các công ty con hoặc công ty liên kết, mang lại lợi ích kinh tế và chiến lược cho Công ty và các cổ đông của Công ty, phê duyệt các giao dịch nội bộ được ký kết phù hợp theo quy định của pháp luật và giá trị của mỗi giao dịch này thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ (“**Các Giao Dịch Liên Quan**”), bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với (i) Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và/hoặc các công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; (ii) Công ty TNHH The Sherpa và/hoặc các công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty TNHH The Sherpa; (iii) Công ty TNHH Tầm nhìn Masan và/hoặc các công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty TNHH Tầm nhìn Masan; (iv) cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó; và (v) các công ty con, công ty liên kết khác trong Tập đoàn Masan:
 - a. các giao dịch mua bán hàng hoá;
 - b. các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quyền tác giả và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác cho dù đã được đăng ký bảo hộ hay chưa;
 - c. các giao dịch chia sẻ chi phí; theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn chi phí dịch vụ công nghệ thông tin, chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các công ty nêu trên theo nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật;
 - d. các giao dịch vay, cho vay, mua và bán trái phiếu được phát hành bởi Công ty, các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn Masan như được nêu tại đoạn mở đầu của Điều này, hoặc trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức khác; và

- e. trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên, (i) các giao dịch bảo lãnh, theo đó bất kỳ công ty nào cấp bảo lãnh cho công ty khác trong Tập đoàn Masan; và (ii) các giao dịch cầm cố, thế chấp tài sản, theo đó bất kỳ công ty nào dùng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty khác trong Tập đoàn Masan.

Cho mục đích của Điều này, công ty con hoặc công ty liên kết nghĩa là công ty con hoặc công ty liên kết được liệt kê tại báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại từng thời điểm.

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
 - a. quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có); và
 - b. ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các giao dịch đầu tư của Công ty như sau:

Nhằm tối ưu hóa việc quản lý dòng tiền, và tăng thu nhập tài chính, thông qua các giao dịch đầu tư, mua, bán trái phiếu (bao gồm các giao dịch trên thị trường thứ cấp đối với trái phiếu phát hành bởi các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn Masan), chứng chỉ tiền gửi, và các tài sản khác mà giá trị của mỗi giao dịch này thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ (“**Các Giao Dịch Đầu Tư**”) và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:

1. quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có); và
2. ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE



MASAN MEATLIFE CORPORATION

10th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: +84 28 6256 3862

Facsimile: +84 28 3827 4115

Web: <https://masanmeatlife.com.vn/>

TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHẦN MỚI VÀ SỬ DỤNG VỐN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ngày 30/06/2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Nghị quyết số 76/2021/NQ-HĐQT ngày 10/03/2021 của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn như sau:

Thông qua phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn như sau:

1. Phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn của Công ty như sau:
 - Mục đích chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: (i) phục vụ cho các mục đích chung, nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty; và/hoặc (ii) đầu tư góp vốn vào các công ty con; và/hoặc (iii) nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh của Công ty; và/hoặc (iv) tối ưu hóa bảng cân đối kế toán của Công ty; và/hoặc (v) cho các hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp; và/hoặc (vi) tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con; và/hoặc (vii) tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả của Công ty.
 - Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư được chào bán: (1) đối với nhà đầu tư chiến lược: là các tổ chức trong nước và nước ngoài có năng lực về tài chính hoặc trình độ công nghệ hỗ trợ sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con, (2) đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Giao cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp cụ thể.
 - Số lượng nhà đầu tư: cổ phần được chào bán cho không quá 99 nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
 - Tổng số cổ phần chào bán: tối đa 10% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Giao cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, quyết định số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

- Loại cổ phần chào bán: cổ phần phổ thông.
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ.
 - Số lần chào bán: một lần hoặc nhiều lần.
 - Thời điểm chào bán: trong năm 2021 hoặc cho đến trước Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
 - Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách một cổ phần theo báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty. Giao cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, quyết định giá chào bán cụ thể.
 - Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
2. Các cổ đông đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần mới được phát hành theo phương án chào bán cổ phần và sử dụng vốn nêu trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông mà từng cổ đông đang sở hữu.
 3. Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành.
 4. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ để ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành và các nội dung liên quan khác tại Điều lệ.
 5. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 6. Giao Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
 - bổ sung hoặc sửa đổi phương án chào bán cổ phần và sử dụng vốn theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;
 - quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết;
 - thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để phong tỏa tạm thời tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài hoặc thực hiện các phương án khác trước khi phát hành cổ phần mới trong trường hợp phát hành cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (nếu có);
 - quyết định nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được chào bán, số lượng cổ phần cụ thể được chào bán và giá chào bán cho từng nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - quyết định số lần chào bán;
 - quyết định thời điểm phát hành và các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành;
 - đàm phán và quyết định các điều kiện, điều khoản, các giao dịch cụ thể của việc phát hành cổ phần mới và ký kết, thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu có liên quan;

- sửa đổi Điều lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành;
- thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành; và
- quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc thực hiện phương án chào bán cổ phần và sử dụng vốn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký và đóng dấu)

DANNY LE

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE
Số:/2021/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---❧---

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“**Công ty**”) ngày 30 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm; và
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số/2021/BBH-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020.

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong năm 2020.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Điều 4. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ VND

Nội dung	Kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần	21.000 – 23.000
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công ty	300 – 700

Điều 5. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 của Công ty như sau:

- Mức chia cổ tức năm 2020 bằng tiền: 0%.

Điều 6. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021. Giao cho Hội đồng Quản trị và cho phép Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc

vào kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền, quyết định tỷ lệ tạm ứng cổ tức cụ thể, thời gian, phương thức chi trả và các vấn đề khác liên quan đến tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021 là Công ty TNHH KPMG.

Điều 8. Thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty như sau:

Cơ cấu tổ chức quản lý trước khi thay đổi bao gồm:	Cơ cấu tổ chức quản lý sau khi thay đổi bao gồm:
<ol style="list-style-type: none">1. Đại Hội đồng Cổ đông;2. Hội đồng Quản trị;3. Ban Kiểm soát; và4. Tổng Giám đốc.	<ol style="list-style-type: none">1. Đại Hội đồng Cổ đông;2. Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; và3. Tổng Giám đốc.

Điều 9. Thông qua Điều lệ mới của Công ty theo bản dự thảo được đệ trình tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo bản dự thảo được đệ trình tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 11. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo bản dự thảo được đệ trình tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 12. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm 5 thành viên.

Điều 13. Thông qua việc các ông/bà có tên sau đây trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2021 – 2026:

1. Ông/Bà _____;
2. Ông/Bà _____;
3. Ông/Bà _____;
4. Ông/Bà _____; và
5. Ông/Bà _____,

Điều 14. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2021 là: 0 VNĐ và kế hoạch ngân sách cho chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm cả các ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có), trong năm 2021 là không quá 1 tỷ VNĐ.

Điều 15. Thông qua phương án phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như sau:

1. Phương án phát hành:
 - Mục đích phát hành: phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, các công ty con và công ty liên kết nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động cho Công ty, các công ty con và công ty liên kết trong năm qua.

- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành: số tiền thu được từ việc phát hành sẽ được sử dụng để tăng vốn điều lệ, phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
 - Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông.
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Thời điểm phát hành dự kiến: giao cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm phát hành cổ phần ESOP trong năm 2021, và có thể phát hành trước khi Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 như nêu tại Điều 6.
 - Phương thức phát hành: phát hành trực tiếp cho người lao động của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết.
 - Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 0,5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - Giá phát hành: giá phát hành cổ phần theo chương trình ESOP bằng mệnh giá mỗi cổ phần, tức bằng 10.000 đồng/cổ phần.
 - Đối tượng phát hành: là nhân viên của Công ty, các công ty con và các công ty liên kết được quyền tham gia phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động được phê duyệt theo mục 5 dưới đây.
 - Hạn chế chuyển nhượng: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành.
 3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ về mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành.
 4. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 5. Giao Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
 - ban hành quy chế phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
 - quyết định tổng số lượng cổ phần phát hành phù hợp phương án phát hành và quy định của pháp luật; tiêu chuẩn người lao động, danh sách người lao động được tham gia chương trình; số lượng cổ phiếu phát hành cho từng người lao động và thời gian thực hiện;
 - thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để phong tỏa tạm thời tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài hoặc thực hiện các phương án khác trước khi phát hành cổ phần cho người lao động trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (nếu có);
 - sửa đổi Điều lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành;
 - thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký lưu ký bổ sung số cổ phần thực tế phát hành

tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phần thực tế phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- bổ sung hoặc sửa đổi phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan; và
- quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Điều 16. Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan:

1. Nhằm tăng cường sự hiệp lực dựa trên nền tảng vận hành của toàn Tập đoàn Masan, bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, các công ty con hoặc công ty liên kết, mang lại lợi ích kinh tế và chiến lược cho Công ty và các cổ đông của Công ty, phê duyệt các giao dịch nội bộ được ký kết phù hợp theo quy định của pháp luật và giá trị của mỗi giao dịch này thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ (“**Các Giao Dịch Liên Quan**”), bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với (i) Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và/hoặc các công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; (ii) Công ty TNHH The Sherpa và/hoặc các công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty TNHH The Sherpa; (iii) Công ty TNHH Tầm nhìn Masan và/hoặc các công ty con hoặc công ty liên kết của Công ty TNHH Tầm nhìn Masan; (iv) cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó; và (v) các công ty con, công ty liên kết khác trong Tập đoàn Masan:
 - a. các giao dịch mua bán hàng hoá;
 - b. các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quyền tác giả và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác cho dù đã được đăng ký bảo hộ hay chưa;
 - c. các giao dịch chia sẻ chi phí; theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn chi phí dịch vụ công nghệ thông tin, chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các công ty nêu trên theo nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật;
 - d. các giao dịch vay, cho vay, mua và bán trái phiếu được phát hành bởi Công ty, các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn Masan như được nêu tại đoạn mở đầu của Điều này, hoặc trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức khác; và
 - e. trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên, (i) các giao dịch bảo lãnh, theo đó bất kỳ công ty nào cấp bảo lãnh cho công ty khác trong Tập đoàn Masan; và (ii) các giao dịch cầm cố, thế chấp tài sản, theo đó bất kỳ công ty nào dùng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty khác trong Tập đoàn Masan.

Cho mục đích của Điều này, công ty con hoặc công ty liên kết nghĩa là công ty con hoặc công ty liên kết được liệt kê tại báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại từng thời điểm.

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
 - a. quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có); và
 - b. ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có).

Điều 17. Nhằm tối ưu hóa việc quản lý dòng tiền, và tăng thu nhập tài chính, thông qua các giao dịch đầu tư, mua, bán trái phiếu (bao gồm các giao dịch trên thị trường thứ cấp đối với trái phiếu phát hành bởi các công ty con, công ty liên kết trong Tập đoàn Masan), chứng chỉ tiền gửi, và các tài sản khác mà giá trị của mỗi giao dịch này thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ (“**Các Giao Dịch Đầu Tư**”) và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:

1. quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có); và
2. ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Đầu Tư và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Đầu Tư, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Đầu Tư (nếu có).

Điều 18. Thông qua phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn như sau:

1. Phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn của Công ty như sau:
 - Mục đích chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: (i) phục vụ cho các mục đích chung, nhu cầu hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn lưu động của Công ty; và/hoặc (ii) đầu tư góp vốn vào các công ty con; và/hoặc (iii) nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh của Công ty; và/hoặc (iv) tối ưu hóa bảng cân đối kế toán của Công ty; và/hoặc (v) cho các hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp; và/hoặc (vi) tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con; và/hoặc (vii) tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả của Công ty.
 - Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư được chào bán: (1) đối với nhà đầu tư chiến lược: là các tổ chức trong nước và nước ngoài có năng lực về tài chính hoặc trình độ công nghệ hỗ trợ sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con, (2) đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Giao cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp cụ thể.
 - Số lượng nhà đầu tư: cổ phần được chào bán cho không quá 99 nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
 - Tổng số cổ phần chào bán: tối đa 10% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Giao cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, quyết định số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
 - Loại cổ phần chào bán: cổ phần phổ thông.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ.
 - Số lần chào bán: một lần hoặc nhiều lần.
 - Thời điểm chào bán: trong năm 2021 hoặc cho đến trước Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
 - Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách một cổ phần theo báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty. Giao cho Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc, quyết định giá chào bán cụ thể.
 - Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
2. Các cổ đông đồng ý sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua đối với số cổ phần mới được phát hành theo phương án chào bán cổ phần và sử dụng vốn nêu trên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông mà từng cổ đông đang sở hữu.
 3. Thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành.
 4. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ để ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành và các nội dung liên quan khác tại Điều lệ.
 5. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
 6. Giao Hội đồng Quản trị, và cho phép Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc:
 - bổ sung hoặc sửa đổi phương án chào bán cổ phần và sử dụng vốn theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan;
 - quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết;
 - thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để phong tỏa tạm thời tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài hoặc thực hiện các phương án khác trước khi phát hành cổ phần mới trong trường hợp phát hành cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo việc phát hành cổ phần này đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty (nếu có);
 - quyết định nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được chào bán, số lượng cổ phần cụ thể được chào bán và giá chào bán cho từng nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
 - quyết định số lần chào bán;
 - quyết định thời điểm phát hành và các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành;
 - đàm phán và quyết định các điều kiện, điều khoản, các giao dịch cụ thể của việc phát hành cổ phần mới và ký kết, thực hiện các thỏa thuận, hợp đồng, tài liệu có liên quan;
 - sửa đổi Điều lệ ghi nhận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế được phát hành;

- thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký tăng vốn điều lệ với cơ quan đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành; và
- quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết liên quan đến việc thực hiện phương án chào bán cổ phần và sử dụng vốn.

Điều 19. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 20. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**T.M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

DANNY LE

GIẤY ỦY QUYỀN

Tên cổ đông:

CMND / Căn cước công dân (đối với cổ đông cá nhân người Việt Nam) số:

Giấy CN ĐKDN / QĐ thành lập (đối với cổ đông là tổ chức trong nước) số:

Mã số giao dịch chứng khoán (đối với cổ đông nước ngoài) số:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú / Địa chỉ trụ sở chính:

(Trường hợp cổ đông là tổ chức, vui lòng điền thêm các thông tin dưới:

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:

Ngày cấp:Nơi cấp:)

Số cổ phần nắm giữ: cổ phần.

(“Người Ủy Quyền”)

bằng văn bản này ủy quyền cho:

Ông/ Bà:

CMND/Căn cước công dân/ Hộ chiếu số¹ :

Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại:

(“Người Được Ủy Quyền”)

được quyền thay mặt Người Ủy Quyền tham dự và biểu quyết trên toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Người Ủy Quyền đối với tất cả các vấn đề tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Masan MEATLife được tổ chức vào ngày 01/04/2021.

Người Được Ủy Quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung ủy quyền trên.

Thời hạn ủy quyền: Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hoàn tất công việc nêu trên.

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ỦY QUYỀN²

**(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu – đối với cổ
đông là tổ chức)**

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Người Được Ủy Quyền mang theo Thư mời họp, bản gốc CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu của Người Được Ủy Quyền và bản sao (photocopy) CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu của Người Ủy Quyền khi đăng ký tham dự.

² Nếu cổ đông là tổ chức thì Người Ủy Quyền phải là người đại diện theo pháp luật.